

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

**TÀI LIỆU TÌM HIỂU CHƯƠNG TRÌNH
MÔN ĐỊA LÝ
(Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018)**

HÀ NỘI, 2019

Người biên soạn

1. GS.TS. Lê Thông, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Chủ biên chương trình môn Địa lí
2. PGS.TS. Nguyễn Đức Vũ, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Huế

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

GDPT	: Giáo dục phổ thông
GV	: Giáo viên
HS	: Học sinh
THPT	: Trung học phổ thông
CT	: Chương trình
KTTĐ	: Kinh tế trọng điểm
PPDH	: Phương pháp dạy học

MỤC LỤC

I. ĐẶC ĐIỂM CỦA MÔN ĐỊA LÍ.....	5
II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN ĐỊA LÍ.....	6
III. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH MÔN ĐỊA LÍ.....	8
IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC.....	10
V. NỘI DUNG GIÁO DỤC.....	14
VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC.....	26
VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC.....	37
VIII. THIẾT BỊ DẠY HỌC.....	40
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	44

MỞ ĐẦU

Ngày 26 tháng 12 năm 2018, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã kí Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) mới, bao gồm chương trình tổng thể và chương trình các môn học cũng như hoạt động giáo dục ở phổ thông, trong đó có chương trình (CT) môn Địa lí ở cấp trung học phổ thông (THPT).

Để giúp các thầy, cô và những người quan tâm đến vấn đề này hiểu rõ hơn và vận dụng tốt hơn vào thực tiễn dạy học, Ban Phát triển chương trình môn Địa lí biên soạn Tài liệu hướng dẫn dạy học theo CT mới của môn học này.

Cấu trúc nội dung của tài liệu gồm các mục về đặc điểm môn học, quan điểm xây dựng chương trình môn học, mục tiêu của chương trình môn học, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục, thiết bị dạy học.

Trong mỗi mục, ngoài những nội dung cốt lõi của chương trình, tài liệu đi sâu vào một số cơ sở lí luận và thực tiễn của việc biên soạn, hoặc có các ví dụ minh họa,... nhằm giúp người sử dụng có hiểu biết thấu đáo hơn CT để có niềm tin trong các hoạt động sáng tạo thực hiện CT.

Ngoài ra, còn có phần phụ lục gợi ý tổ chức một số bài tập, bài làm minh họa cho yêu cầu cần đạt ở các chủ đề dạy học của lớp 10, 11 và 12.

Chương trình dạy học là cơ sở pháp lí cho hoạt động dạy học nói riêng và các hoạt động giáo dục nói chung trong nhà trường. Thực hiện đúng CT sẽ góp phần quan trọng vào việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục. Giáo viên địa lí hiểu biết sâu sắc CT, có nhiều biện pháp sáng tạo và niềm tin vào việc phát triển CT là một trong những yếu tố quan trọng đảm bảo nâng cao chất lượng giáo dục môn Địa lí theo hướng phát triển năng lực, tăng cường hứng thú học tập bộ môn cho các em học sinh.

Hà Nội, tháng 5 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM CỦA MÔN ĐỊA LÍ

1. Vị trí và tên môn học trong chương trình GDPT

- Giáo dục Địa lí được thực hiện ở tất cả các cấp học phổ thông. Ở tiểu học và trung học cơ sở, nội dung giáo dục địa lí nằm trong môn Lịch sử và Địa lí; còn ở trung học phổ thông, Địa lí là môn học độc lập thuộc nhóm các môn học được lựa chọn.

- Ở trung học phổ thông (THPT): Tên môn học là "Địa lí"; là môn học độc lập, môn học tự chọn thuộc nhóm môn khoa học xã hội. Các mạch kiến thức cốt lõi gồm: môn Địa lí với hướng nghiệp cho học sinh, sử dụng bản đồ, địa lí đại cương (địa lí tự nhiên, địa lí kinh tế - xã hội); địa lí kinh tế - xã hội thế giới (một số vấn đề kinh tế - xã hội thế giới, địa lí khu vực và quốc gia); địa lí Việt Nam (địa lí tự nhiên, địa lí dân cư, địa lí các ngành kinh tế, địa lí các vùng kinh tế, thực hành tìm hiểu địa lí địa phương cấp tỉnh/thành phố).

2. Vai trò và tính chất nổi bật của môn học trong giai đoạn giáo dục cơ bản và giáo dục định hướng nghề nghiệp

- Môn Địa lí vừa thuộc lĩnh vực khoa học xã hội (Địa lí kinh tế – xã hội) vừa thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên (Địa lí tự nhiên), giúp học sinh có được những hiểu biết cơ bản về khoa học Địa lí, các ngành nghề có liên quan đến địa lí, khả năng ứng dụng kiến thức địa lí trong đời sống; đồng thời củng cố và mở rộng nền tảng tri thức, kĩ năng phổ thông cốt lõi đã được hình thành ở giai đoạn giáo dục cơ bản, tạo cơ sở vững chắc giúp học sinh tiếp tục theo học các ngành nghề có liên quan.

- Địa lí góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất và năng lực chung trên cơ sở phát triển các phẩm chất yêu thiên nhiên, đất nước, con người, có ý thức và trách nhiệm trong bảo vệ tự nhiên, phát triển đất nước; phát triển năng lực chuyên môn gắn liền với đặc thù của môn học như: năng lực nhận thức khoa học địa lí; năng lực tìm hiểu địa lí; năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

3. Quan hệ với môn học/hoạt động giáo dục khác

Địa lí học là một khoa học tổng hợp; đến lượt mình môn Địa lí cũng là một môn học có tính tổng hợp cao, liên quan đến nhiều môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Theo "chiều dọc", môn Địa lí có mối liên quan chặt chẽ, kế thừa và phát triển những kiến thức và kĩ năng, thái độ được hình thành ở phần Địa lí và một số phần khác ở môn Lịch sử và Địa lí ở trung học cơ sở, môn Lịch sử và Địa lí ở tiểu học.

- Theo "chiều ngang", môn Địa lí có mối quan hệ gắn gũi về nội dung kiến thức, phương pháp nghiên cứu, học tập với hầu hết các môn học trong nhà trường như Lịch sử, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Toán học, Ngữ văn, Tin học, Công nghệ; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục kinh tế và pháp luật...

Địa lí sử dụng một số khái niệm và phương pháp nghiên cứu của các môn học nói trên trong việc làm sáng rõ bản chất nhiều nội dung địa lí. Kiến thức của các môn Vật lí, Hoá học, Sinh học được sử dụng nhiều trong việc làm sáng rõ các kiến thức địa lí tự nhiên. Kiến thức lịch sử cần cho việc khám phá các nội dung địa lí phát triển theo thời gian. Toán học và Tin học cung cấp cho Địa lí các công cụ tư duy và trình diễn kiến thức khoa học. Một số nội dung về pháp luật, kinh tế, an ninh, quốc phòng góp phần làm sáng rõ thêm kiến thức địa lí vì có sự giao thoa hoặc làm cơ sở để hiểu rõ thêm kiến thức địa lí. Hoạt động trải nghiệm cũng chính là một hình thức tổ chức học tập địa lí có hiệu quả theo định hướng phát triển năng lực học sinh...

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN ĐỊA LÍ

1. Chương trình bảo đảm phát triển phẩm chất và năng lực học sinh

Chương trình môn Địa lí xác định rõ các phẩm chất và năng lực có thể hình thành, phát triển qua môn học. Một mặt, chương trình căn cứ vào các yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi làm cơ sở và điểm xuất phát để lựa chọn các nội dung giáo dục; mặt khác, chương trình hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi cho học sinh thông qua việc hướng dẫn học sinh tiếp thu và vận dụng nội dung giáo dục của môn học vào thực tiễn.

2. Chương trình bảo đảm kết nối giữa các lớp học, cấp học và đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp

- Nội dung chương trình được thiết kế theo ba mạch: địa lí đại cương, địa lí thế giới, địa lí Việt Nam, bao gồm các kiến thức cốt lõi và chuyên đề học tập; phát triển, mở rộng và nâng cao nội dung giáo dục địa lí đã học ở cấp trung học cơ sở; bảo đảm tinh gọn, cơ bản, cập nhật các tri thức khoa học, hiện đại của địa lí học, các vấn đề về phát triển của thế giới, khu vực, Việt Nam và địa phương. Các nội dung giáo dục và yêu cầu cần đạt của chương trình có tính đến sự phù hợp với thực tế dạy học ở trường phổ thông trong định hướng phát triển.

- Đối với những học sinh có định hướng nghề nghiệp liên quan đến kiến thức địa lí, ngoài kiến thức cốt lõi, chương trình có các chuyên đề học tập ở mỗi lớp, nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp.

3. Chương trình bảo đảm tính kế thừa, hiện đại

- Chương trình môn Địa lí kế thừa phát huy ưu điểm của những chương trình đã có, tiếp thu kinh nghiệm phát triển chương trình môn học của các nước có nền giáo dục tiên tiến, tiếp cận với những thành tựu của khoa học kĩ thuật hiện đại; phù hợp với thực tiễn xã hội, giáo dục, điều kiện và khả năng học tập của học sinh ở các vùng, miền khác nhau.

- Về cơ bản, chương trình môn Địa lí đã kế thừa chương trình hiện hành ở các ưu điểm về: Cấu trúc nội dung, hệ thống tri thức cơ bản của khoa học địa lí, coi trọng thực hành, đa dạng hoá các phương pháp, hình thức tổ chức và phương tiện dạy học...

4. Chương trình chú trọng tích hợp, thực hành và vận dụng

- Chương trình môn Địa lí chú trọng tích hợp, thực hành, gắn nội dung giáo dục của môn học với thực tiễn nhằm rèn luyện cho học sinh kĩ năng vận dụng kiến thức địa lí vào việc tìm hiểu và giải quyết ở mức độ nhất định một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng đòi hỏi của cuộc sống.

- Tính tích hợp được thể hiện ở nhiều mức độ và hình thức khác nhau: tích hợp giữa các kiến thức địa lí tự nhiên, địa lí dân cư, xã hội và địa lí kinh tế trong môn học; lồng ghép các nội dung liên quan (giáo dục môi trường, biển đảo, phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu; giáo dục dân số, giới tính, di sản, an toàn giao thông,...) vào nội dung địa lí; vận dụng kiến thức các môn học khác (Vật lí, Hoá học, Sinh học, Lịch sử,...) trong việc làm sáng rõ các kiến thức địa lí; kết hợp kiến thức nhiều lĩnh vực khác nhau để xây dựng thành các chủ đề có tính tích hợp cao.

- Nội dung môn Địa lí vốn đã có tích hợp cao, nên dạy học tích hợp trong môn Địa lí không phải là xa lạ. Tuy nhiên, trong chương trình mới, việc tích hợp càng được đề cao do các lí do cụ thể sau:

+ Mục tiêu giáo dục là tạo ra một nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của sự phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước. Nghị quyết 29/TW đã chỉ ra: "Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân: yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả"

+ Tích hợp và dạy học tích hợp sẽ giúp HS tiếp cận thế giới tốt hơn. Bản chất của thế giới tự nhiên là tích hợp, thống nhất; giới tự nhiên phát triển theo một thể thống nhất, tích hợp, không phân chia, tách bạch theo các quá trình hay lĩnh vực khoa học riêng rẽ nào. Trong xã hội, tích hợp càng sâu sắc hơn; để giải quyết một vấn đề xã hội, đòi hỏi phải vận dụng kiến thức của nhiều lĩnh vực khác nhau.

+ Xu thế phát triển của khoa học ngày nay là tiếp tục phân hoá sâu, song song với tích hợp liên môn, liên ngành, giao ngành ngày càng rộng. Việc dạy học các khoa học trong nhà trường phải phản ánh sự phát triển hiện đại của khoa học, bởi vậy không thể cứ tiếp tục giảng dạy các khoa học như là những lĩnh vực tri thức riêng rẽ.

+ Khối lượng tri thức khoa học đang gia tăng nhanh chóng mà thời gian học tập trong nhà trường lại có hạn, do đó dạy học tích hợp cho phép HS có nhiều kiến thức hơn ở các lĩnh vực khác nhau.

+ Yêu cầu dạy học phát triển năng lực đòi hỏi người học phải vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống ở nội dung học tập mới hoặc ở trong thực tiễn. Muốn giải

quyết các vấn đề thực tiễn cần phải vận dụng kiến thức của nhiều lĩnh vực khác nhau, tích hợp trong dạy học càng được đòi hỏi cấp thiết khi tiếp cận từ thực tiễn.

- Chương trình xác định thực hành, luyện tập, vận dụng là nội dung quan trọng, đồng thời là công cụ thiết thực, hiệu quả để phát triển năng lực của học sinh. Nội dung này chú trọng việc vận dụng kiến thức địa lí vào thực tiễn nhằm góp phần phát triển các năng lực đặc thù của môn học.

+ Thực hành, luyện tập, vận dụng nhằm mục đích củng cố, hoàn thiện kiến thức; hình thành, rèn luyện và phát triển kĩ năng địa lí; phát triển năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội và góp phần hình thành các năng lực chung. Do vậy, đó vừa là nội dung dạy học, vừa là con đường để học sinh đạt được các yêu cầu quy định trong chương trình. Tăng cường thực hành, luyện tập, vận dụng là một trong những hướng chủ yếu của chương trình môn Địa lí.

+ Luyện tập, vận dụng là hoạt động nhằm mục đích củng cố, hoàn thiện kiến thức vừa (đã) học, thường được tiến hành sau khi học xong một phần nội dung lý thuyết. Thực hành là hoạt động nhằm mục đích chủ yếu là hình thành, rèn luyện, phát triển kĩ năng địa lí, đồng thời góp phần củng cố, vận dụng và phát triển kiến thức đã có, thường được tiến hành sau khi học xong một chủ đề/phần nội dung học tập tương đối trọn vẹn. Thực hành được tiến hành độc lập với bài học lý thuyết, trong một khoảng thời gian đủ lớn nhất định, có thể thực hiện trên lớp hoặc ở nhà, đề cao hoạt động độc lập, tự chủ và sáng tạo của học sinh. Chương trình vừa tăng cường luyện tập, vận dụng, vừa chú trọng thực hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển năng lực.

5. Chương trình được xây dựng theo hướng mở

Trên cơ sở bảo đảm định hướng, yêu cầu cần đạt và những nội dung giáo dục cốt lõi thống nhất trong cả nước, chương trình dành thời lượng nhất định để các trường hướng dẫn học sinh thực hành tìm hiểu địa lí địa phương phù hợp với điều kiện của mình; đồng thời triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng giáo dục và điều kiện của cơ sở giáo dục, của địa phương.

Chương trình được xây dựng theo hướng khái quát, không quá chi tiết, tạo điều kiện cho tác giả sách giáo khoa và giáo viên các trường chủ động, sáng tạo thực hiện chương trình trong điều kiện khoa học, công nghệ và xã hội liên tục phát triển, thường xuyên đặt ra những yêu cầu mới cho giáo dục.

III. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH MÔN ĐỊA LÍ

1. Căn cứ xác định mục tiêu chương trình

Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể đã xác định mục tiêu dựa trên các căn cứ: Quan điểm của Đảng, Nhà nước; nhu cầu phát triển của đất nước; những tiến bộ về khoa học công nghệ và xã hội, bản sắc văn hóa Việt Nam và những giá trị phổ quát của nhân loại, sáng kiến và định hướng của UNESCO, quyền của thanh niên, thiếu

niên và nhi đồng. Chương trình giáo dục môn Địa lí cụ thể hoá CTGDPT tổng thể, nên đây cũng là những căn cứ để xác định mục tiêu của chương trình.

2. Mục tiêu cụ thể của chương trình

2.1. Mục tiêu chung của giáo dục Địa lí phổ thông

Chương trình giáo dục Địa lí phổ thông cụ thể hoá mục tiêu chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, góp phần hình thành và phát triển ở học sinh những phẩm chất và năng lực cốt lõi cũng như năng lực đặc thù thông qua việc trang bị hệ thống kiến thức phổ thông, cơ bản, thực tiễn, thiết thực về hệ thống tự nhiên, dân cư, kinh tế và sự tương tác của chúng trên bình diện thế giới, khu vực, Việt Nam; hình thành và phát triển những kĩ năng địa lí, vận dụng tri thức địa lí trong việc giải thích các hiện tượng tự nhiên, xã hội phù hợp với trình độ học sinh; đồng thời bồi dưỡng tình yêu, niềm tin, ý thức trách nhiệm đối với môi trường, con người và tương lai đất nước, thế giới.

2.2. Mục tiêu của môn Địa lí cấp trung học phổ thông

Mục tiêu là kết quả cần đạt được của một hoạt động. Hoạt động giáo dục địa lí phổ thông cần đạt được các kết quả cụ thể sau trong mối liên hệ chặt chẽ với nhau:

- Cụ thể hoá mục tiêu chương trình giáo dục phổ thông tổng thể; đó là "chương trình giáo dục trung học phổ thông giúp học sinh tiếp tục phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người lao động, ý thức và nhân cách công dân; khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời; khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực và sở thích, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân để tiếp tục học lên, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động; khả năng thích ứng với những thay đổi trong bối cảnh toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp mới".

- Tiếp tục phát triển ở học sinh những phẩm chất, năng lực đã được hình thành trong giai đoạn giáo dục cơ bản. Chương trình môn Địa lí "góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung đã được hình thành trong giai đoạn giáo dục cơ bản, đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước; thái độ ứng xử đúng đắn với môi trường tự nhiên, xã hội; khả năng định hướng nghề nghiệp; để hình thành nhân cách công dân, sẵn sàng đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc."

- Phát triển phát triển các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) và năng lực địa lí như: nhận thức khoa học địa lí (nhận thức thế giới theo quan điểm không gian; giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí); tìm hiểu địa lí (sử dụng các công cụ của Địa lí học và tổ chức học tập thực địa); vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học (thu thập, xử lí và truyền đạt thông tin địa lí; vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn). Các năng lực này được hình thành và phát triển thông qua việc trang bị những kiến thức về địa lí đại cương, địa lí kinh tế - xã hội thế giới, địa lí Việt Nam và phương pháp giáo dục đề cao hoạt động chủ động, tích cực,

sáng tạo của học sinh.

Mục tiêu của CT môn Địa lí nhấn mạnh đến việc hình thành phẩm chất và năng lực, đặc biệt chỉ rõ những phẩm chất và năng lực cần được phát triển và hoàn thiện thông qua các nội dung và phương pháp giáo dục. Đây là hướng tiếp cận hoàn toàn mới so với CT môn Địa lí hiện hành, tiếp cận dạy học theo định hướng năng lực; trong khi CT hiện hành xác định mục tiêu theo hướng tiếp cận dạy học định hướng nội dung.

IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC

1. Căn cứ xác định các yêu cầu cần đạt

1.1. Dạy học và giáo dục nói chung đều cần đảm bảo cho học sinh phát triển theo một quá trình biện chứng từ nhận thức đến tìm tòi, khám phá và vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Đây cũng chính là các năng lực cần phải phát triển ở học sinh trong môn Địa lí.

1.2. Năng lực là khả năng kết hợp linh hoạt kiến thức, kĩ năng, thái độ, tình cảm, niềm tin... để giải quyết một tình huống thực tiễn. Do vậy, việc xác định các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được căn cứ vào yêu cầu cần đạt về kiến thức, kĩ năng và thái độ trong mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

1.3. Các mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của môn Địa lí

Trên cơ sở các lí thuyết về mức độ nhận thức, môn Địa lí xác định các mức độ của yêu cầu cần đạt. Trong bảng liệt kê dưới đây, đối tượng, mức độ cần đạt được chỉ dẫn bằng các động từ khác nhau. Trong quá trình dạy học, đặc biệt là khi đặt câu hỏi thảo luận, ra đề kiểm tra đánh giá, giáo viên có thể dùng những động từ nêu trong bảng này hoặc thay thế bằng các động từ có nghĩa tương đương cho phù hợp với tình huống sự phạm và nhiệm vụ cụ thể giao cho học sinh.

2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và đóng góp của môn học trong việc bồi dưỡng phẩm chất cho học sinh

Môn Địa lí góp phần hình thành và phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể.

Thông qua chương trình môn Địa lí, học sinh cần hình thành, phát triển được thế giới quan khoa học và các phẩm chất: yêu nước, yêu thiên nhiên; có ý thức, niềm tin, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; yêu thương người lao động, tôn trọng những giá trị nhân văn khác nhau; rèn luyện được sự tự tin, trung thực, khách quan; đồng thời hình thành và phát triển được các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Yêu cầu cần đạt về năng lực chung và đóng góp của môn học trong việc hình thành, phát triển các năng lực chung cho học sinh

Môn Địa lí góp phần hình thành và phát triển được các năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua các nội dung học tập và hoạt động cụ thể:

- Tự chủ và tự học: Các năng lực này được phát triển thông qua các hoạt động học tập như thu thập thông tin và trình bày báo cáo địa lí; khảo sát, điều tra thực tế địa phương, vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tế...

- Giao tiếp và hợp tác: Các năng lực này được phát triển thông qua các hoạt động nhóm và phương pháp dạy học thảo luận, dạy học dự án, seminar...

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực này được phát triển thông qua các hoạt động phát hiện vấn đề, nêu giả thuyết/giả định, tìm logic trong giải quyết vấn đề, đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề, đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề, tưởng tượng khoa học, giải quyết vấn đề mới và thách thức, tự học về lí thuyết và công cụ địa lí.

4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù và đóng góp của môn học trong việc hình thành, phát triển các năng lực đặc thù cho học sinh

4.1. Học sinh cần hình thành và phát triển được năng lực khoa học, cụ thể là năng lực địa lí, bao gồm các thành phần sau:

– Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức được thế giới theo quan điểm không gian, gắn các sự vật, hiện tượng, quá trình địa lí với lãnh thổ; giải thích được các hiện tượng và quá trình địa lí (tự nhiên, kinh tế – xã hội).

– Năng lực tìm hiểu địa lí: Sử dụng được các công cụ của Địa lí học, tổ chức được học tập ở thực địa, khai thác được Internet phục vụ môn học.

– Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Cập nhật được thông tin và liên hệ thực tế, thực hiện được chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn, vận dụng tri thức địa lí vào giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

4.2. Các năng lực địa lí ở THPT được phát triển liên tục, có hệ thống và phù hợp với đối tượng học sinh từ thấp lên cao theo các lớp học.

Ví dụ, năng lực sử dụng biểu đồ được biểu hiện qua các hoạt động từ thấp lên cao ở mỗi lớp của cấp học như sau:

- Lớp 10: Phân tích được một số kiểu tháp dân số tiêu biểu; nhận xét được một số loại biểu đồ thể hiện động thái, cơ cấu, quy mô của đối tượng địa lí; có khả năng vẽ một số dạng biểu đồ đảm bảo tính khoa học, trực quan và thẩm mỹ.

- Lớp 11: Rút ra được các nhận xét từ các biểu đồ đã có; hiểu được các dạng biểu đồ thích hợp để thể hiện động thái, cơ cấu, quy mô kinh tế của một quốc gia, khu vực; có khả năng vẽ các dạng biểu đồ vừa đảm bảo tính khoa học, trực quan, vừa đảm bảo tính thẩm mỹ.

- Lớp 12: Có khả năng lựa chọn các dạng biểu đồ thích hợp hoặc biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện động thái, cơ cấu, quy mô... của đối tượng địa lí; có khả năng vẽ

biểu đồ vừa đảm bảo tính khoa học, trực quan, vừa đảm bảo tính thẩm mỹ; có khả năng rút ra các nhận xét cần thiết từ các biểu đồ đã vẽ (có thể kết hợp hay không kết hợp với kiến thức đã học) và giải thích.

4.3. Các yêu cầu cần đạt được ghi rõ trong CT thể hiện sự phát triển năng lực từ thấp lên cao:

Các yêu cầu cần đạt trong phần Địa lí đại cương (lớp 10) nặng về các hoạt động khái quát hoá, phân tích, xác định, phân biệt; sử dụng bản đồ, sơ đồ, hình vẽ,... liên hệ, trình bày, so sánh, nhận xét và giải thích, vẽ sơ đồ, vẽ biểu đồ, truyền đạt thông tin; phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê; xử lí số liệu, tính toán đơn giản; nhận xét, giải thích trên bản đồ, tài liệu, số liệu; đọc bản đồ, lược đồ, vận dụng kiến thức để đánh giá, thu thập tài liệu, trình bày và báo cáo, liên hệ thực tế địa phương,... Những hoạt động này có tác động thiết thực đến phát triển năng lực địa lí cho học sinh.

Hoạt động thực hành trong CT Địa lí 10 được bố trí ở sau các nội dung lí thuyết ở mỗi chủ đề, tương đối đa dạng, như: Phân tích được hình vẽ, lược đồ về các hệ quả chuyển động của Trái Đất, cấu trúc của vỏ Trái Đất, các mảng kiến tạo chính,... (ở chủ đề Trái Đất); nhận xét và giải thích được sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa trên bản đồ (ở chủ đề Thạch quyển); đọc được bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất; phân tích được biểu đồ một số kiểu khí hậu (ở chủ đề Khí quyển); trình bày được chế độ nước một con sông cụ thể (ở chủ đề Thủy quyển); phân tích được sơ đồ, hình vẽ, bản đồ phân bố các nhóm đất và sinh vật trên thế giới (ở chủ đề Sinh quyển); nhận xét, giải thích được về dân số và phân bố dân cư thông qua bản đồ, tài liệu, số liệu,... (ở chủ đề Dân cư); vẽ được biểu đồ cơ cấu nền kinh tế và nhận xét, giải thích (ở chủ đề Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế); vẽ được biểu đồ thể hiện quy mô, tốc độ tăng trưởng, cơ cấu, thay đổi cơ cấu nông nghiệp từ số liệu đã cho và nhận xét; vẽ được biểu đồ thể hiện quy mô, tốc độ tăng trưởng, cơ cấu, thay đổi cơ cấu nông nghiệp từ số liệu đã cho và nhận xét; viết được báo cáo tìm hiểu về một ngành dịch vụ (ở chủ đề Địa lí các ngành kinh tế).

Bên cạnh các yêu cầu cần đạt về thực hành, các yêu cầu cần đạt về luyện tập, vận dụng, sử dụng các công cụ địa lí cũng được đặt ra nhiều trong CT, đòi hỏi và tạo điều kiện để phát triển năng lực địa lí của học sinh.

Ở lớp 11, các yêu cầu cần đạt rất đa dạng và nâng cao hơn Địa lí 10. Ngoài các yêu cầu cần đạt như ở Địa lí 10, ở lớp 11 CT đề cập nhiều đến các yêu cầu viết báo cáo, truyền đạt thông tin; phân tích được bảng số liệu, sử dụng được bản đồ các nước và khu vực; sưu tầm, thu thập được tư liệu về kinh tế – xã hội từ nhiều nguồn khác nhau (Internet, tài liệu thành văn, tư liệu, tranh ảnh, video clips,...); hệ thống hoá thông tin; so sánh; vận dụng kiến thức vào định hướng nghề nghiệp; sưu tầm và hệ thống hoá được các tư liệu, số liệu; trao đổi, thảo luận về một vấn đề kinh tế - xã hội.

Hoạt động thực hành tập trung vào các loại hình: Viết báo cáo tìm hiểu về một vấn đề kinh tế - xã hội của thế giới hoặc của một quốc gia, khu vực (ở các chủ đề về nền kinh tế tri thức, khu vực Mĩ La tinh, Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, Tây Nam Á, Austarlia); xác định đặc trưng lãnh thổ trên bản đồ (ở chủ đề Hợp chúng quốc Hoa Kỳ); vẽ biểu đồ, rút ra nhận xét (ở chủ đề Liên bang Nga); vẽ biểu đồ, nhận xét, phân tích bảng số liệu và truyền đạt thông tin địa lí (ở chủ đề Đông Nam Á).

Các yêu cầu khác về luyện tập, vận dụng tập trung nhiều vào đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được bảng số liệu, tư liệu, liên hệ thực tế,...

Các yêu cầu cần đạt trong CT Địa lí 12 ở mức cao hơn các lớp dưới. Ngoài các yêu cầu cần đạt có mức độ như ở lớp 10 và 11 CT Địa lí 12 còn có các yêu cầu về phân tích các mối liên hệ, liên hệ thực tế địa phương, vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề thực tiễn, thu thập tài liệu, trình bày báo cáo, đề xuất các giải pháp, viết báo cáo giới thiệu địa phương, trưng bày, triển lãm; viết đoạn văn ngắn tuyên truyền, giới thiệu; tìm hiểu, khảo sát địa phương; chứng minh, giải thích,...

Thực hành trong CT Địa lí 12 tập trung vào các hình thức: Thu thập tài liệu, trình bày được báo cáo về sự phân hoá của tự nhiên Việt Nam (ở chủ đề Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên); viết được báo cáo cập nhật về vấn đề môi trường ở Việt Nam và địa phương (ở Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường); viết được báo cáo giới thiệu về một trong số các chủ đề (dân số, lao động và việc làm, đô thị hoá) ở nước ta (ở chủ đề Địa lí dân cư); vẽ được biểu đồ, phân tích biểu đồ và số liệu thống kê liên quan đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế (ở vấn đề Chuyển dịch cơ cấu kinh tế); vẽ được biểu đồ, nhận xét, giải thích về tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành của các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (ở Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản); vẽ được biểu đồ từ số liệu đã cho và nhận xét, giải thích liên quan tới tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp (ở Vấn đề phát triển công nghiệp); vẽ được biểu đồ từ số liệu đã cho và nhận xét, giải thích liên quan tới tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp (ở Vấn đề khai thác các thế mạnh để phát triển kinh tế ở Trung du và miền núi Bắc Bộ); sử dụng được Atlas Địa lí Việt Nam, bản đồ giáo khoa treo tường và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh phát triển các ngành kinh tế biển của vùng (ở Vấn đề phát triển kinh tế biển của Duyên hải Nam Trung Bộ); sử dụng được Atlas Địa lí Việt Nam, bản đồ giáo khoa treo tường và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và việc khai thác các thế mạnh của vùng (ở Vấn đề khai thác thế mạnh để phát triển kinh tế ở Tây Nguyên); sử dụng được Atlas Địa lí Việt Nam, bản đồ giáo khoa treo tường, số liệu thống kê để trình bày về các thế mạnh và phát triển kinh tế - xã hội của vùng (ở Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Nam Bộ); vẽ được biểu đồ từ số liệu đã cho, nhận xét và giải

thích (ở vấn đề Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long); thu thập được tài liệu, tranh ảnh, video... để viết và trình bày báo cáo/ tuyên truyền về vấn đề bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam (ở vấn đề Phát triển kinh tế và bảo đảm an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo),...

Yêu cầu sử dụng bản đồ, sơ đồ, bảng số liệu, vẽ biểu đồ ở Địa lí 12 cao hơn ở các lớp dưới. Chẳng hạn, cùng là sử dụng bản đồ, nhưng ở lớp 10 và 11, HS chủ yếu nhận xét về sự phân bố của các đối tượng địa lí và có giải thích. Đến lớp 12, yêu cầu giải thích sự phân bố được đặt cao hơn. Cùng là vẽ biểu đồ từ bảng số liệu đã cho, nhưng yêu cầu ở lớp 12 hướng về việc chọn biểu đồ thích hợp nhất; vẽ, nhận xét và giải thích; các dạng biểu đồ cũng đa dạng và phức tạp hơn (vừa thể hiện quy mô, vừa thể hiện cơ cấu, vừa thể hiện quy mô vừa thể hiện tình hình phát triển,...).

Đặc biệt các hoạt động sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam, liên hệ thực tế địa phương, vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết một số vấn đề thực tiễn vừa sức, đề xuất các giải pháp, biện pháp cho một vấn đề thực tiễn trên cơ sở phân tích hiện trạng và định hướng phát triển,... rất được coi trọng. Đây là những hoạt động cho phép phát triển các năng lực địa lí cần thiết cho học sinh cuối cấp chuẩn bị trở thành người lao động mới có hiểu biết và sáng tạo.

V. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Căn cứ xác định nội dung giáo dục của chương trình Địa lí

Để đạt được các năng lực, nội dung dạy học được lựa chọn phải đảm bảo để phát triển các thành phần của năng lực địa lí; ngoài ra còn cần phải mang tính tình huống, bối cảnh và thực tiễn; đồng thời phải dựa trên mối quan hệ qua lại biện chứng giữa các mục tiêu, nội dung và phương pháp của chương trình.

Các nội dung dạy học địa lí được lựa chọn và cấu trúc hoá từ nhiều nguồn khác nhau:

- Từ các chương trình dạy học đã có trước, đặc biệt là chương trình giáo dục Địa lí hiện hành (ban hành năm 2006). Điều này đảm bảo cho người học tiếp thu được những cơ sở văn hoá, những tinh hoa truyền thống.

- Từ việc xác định những tình huống điển hình trong đời sống cá nhân, nghề nghiệp và cộng đồng để xác định những học vấn cần thiết để giải quyết tình huống. Việc này xuất phát từ chức năng của giáo dục chuẩn bị cho học sinh giải quyết các tình huống trong cuộc sống. Những học vấn trong lĩnh vực này thường liên quan nhiều đến dạy học tích hợp.

- Từ khoa học Địa lí. Nội dung địa lí nhà trường được rút ra từ Địa lí học, nhờ vào việc này, học sinh được định hướng các nghề nghiệp có liên quan đến địa lí.

Việc lựa chọn các nội dung địa lí không phải giới hạn ở tri thức khoa học địa lí thuần tuý (khái niệm, mối liên hệ, quy luật, mô hình địa lí,...), mà bao hàm cả phương pháp tư duy và phương pháp làm việc cũng như những chuẩn mực và giá trị.

Trong nhà trường phổ thông, học sinh được học về cả địa lí đại cương và địa lí khu vực; cả về địa lí tự nhiên và địa lí kinh tế - xã hội, là những bộ phận chủ yếu của khoa học Địa lí. Ngay cả một số phương tiện và cả phương pháp dạy học địa lí cũng được mô phỏng theo các phương tiện và phương pháp nghiên cứu của khoa học địa lí. Thí dụ: Các bản đồ và phương pháp sử dụng bản đồ trong nghiên cứu địa lí được đưa vào nhà trường dưới hình thức một loạt các bản đồ giáo khoa địa lí và các thao tác về kĩ năng bản đồ. Trong việc dạy học địa lí kinh tế - xã hội, các kĩ năng về sử dụng số liệu thống kê cũng được mô phỏng theo phương pháp nghiên cứu thống kê, một phương pháp quan trọng của các ngành khoa học kinh tế. Ngay cả phương pháp thực địa của khoa học địa lí cũng được phản ánh vào nhà trường dưới hình thức các cuộc tham quan, khảo sát ngoài trời địa phương,...

Nội dung địa lí nhà trường không phải đơn giản là sự rút gọn của Địa lí học. Việc biến đổi nội dung khoa học địa lí đã có thành nội dung học tập địa lí trong nhà trường cần phải đảm bảo đơn giản, tinh gọn (về phạm vi và độ khó), có thể hiểu được đối với người học, có tính đến các điều kiện tiếp cận học tập cũng như các mục tiêu dạy học.

2. Nội dung giáo dục cụ thể của chương trình

2.1. Giải thích cách trình bày nội dung giáo dục trong chương trình môn học

Nội dung giáo dục của chương trình môn Địa lí được trình bày như sau:

a) Nội dung khái quát

- Nội dung giáo dục môn Địa lí gồm địa lí đại cương, địa lí kinh tế - xã hội thế giới, địa lí Việt Nam; trong đó có cả địa lí tự nhiên và địa lí kinh tế - xã hội. Ngoài các kiến thức cốt lõi, nội dung giáo dục môn Địa lí còn có các chuyên đề học tập, được phân phối phù hợp với mạch nội dung chính của mỗi lớp.

- Kiến thức cốt lõi: Các mạch kiến thức cốt lõi của môn Địa lí được phân bố ở mỗi lớp như sau:

Mạch nội dung	Lớp	10	11	12
I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG				
1. Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp cho học sinh		X		
2. Sử dụng bản đồ		X		
II. ĐỊA LÍ ĐẠI CƯƠNG				
1. Địa lí tự nhiên		X		
2. Địa lí kinh tế – xã hội		X		
III. ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI				
1. Một số vấn đề kinh tế – xã hội thế giới			X	
2. Địa lí khu vực và quốc gia			X	

Mạch nội dung	Lớp		
	10	11	12
IV. ĐỊA LÍ VIỆT NAM			
1. Địa lí tự nhiên			X
2. Địa lí dân cư			X
3. Địa lí các ngành kinh tế			X
4. Địa lí các vùng kinh tế			X
5. Thực hành tìm hiểu địa lí địa phương (tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương)			X

- Bên cạnh các mạch nội dung cốt lõi, chương trình còn có các chuyên đề học tập ở mỗi lớp, cụ thể như sau:

Tên chuyên đề	Lớp		
	10	11	12
1. Biến đổi khí hậu	X		
2. Đô thị hoá	X		
3. Phương pháp viết báo cáo địa lí	X		
4. Một số vấn đề về khu vực Đông Nam Á (Ủy hội sông Mê Công; Hợp tác hoà bình trong khai thác Biển Đông)		X	
5. Một số vấn đề về du lịch thế giới		X	
6. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0)		X	
7. Thiên tai và biện pháp phòng chống			X
8. Phát triển vùng			X
9. Phát triển làng nghề			X

b) Nội dung cụ thể

- Nội dung địa lí gồm các loại hình kiến thức chủ yếu:

+ Sự vật, hiện tượng, biểu tượng địa lí, các kiến thức thu thập trực tiếp trong thực tiễn không đòi hỏi qua tư duy (ví dụ các số liệu, sự kiện,...). Các kiến thức này đóng vai trò là cơ sở để khái quát lên kiến thức địa lí lí thuyết hoặc để cụ thể hoá, minh hoạ cho kiến thức địa lí lí thuyết.

+ Khái niệm, mối liên hệ nhân quả, quá trình, quy luật địa lí. Đây là những kiến thức lí thuyết làm nên hạt nhân nội dung địa lí. Những kiến thức này có được thông qua tư duy, nhất là tư duy bậc cao (khái quát hoá, trừu tượng hoá).

+ Phương pháp học tập, nghiên cứu địa lí. Loại kiến thức này vừa là nội dung địa lí, vừa là công cụ để học tập địa lí. Ví dụ kiến thức về sử dụng bản đồ, vừa là kiến

thức cần phải có trong môn Địa lí, vừa là phương tiện để tìm tòi, khám phá các kiến thức địa lí. Điều này cũng là cơ sở để xác định sử dụng công cụ địa lí học là một năng lực quan trọng của môn Địa lí.

2.2. Định hướng nội dung giáo dục của chương trình môn học

LỚP 10: ĐỊA LÍ ĐẠI CƯƠNG

Mở đầu Địa lí 10, HS sẽ tìm hiểu về môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp. Các em cần khái quát hoá được những đặc điểm cơ bản của Địa lí học và môn Địa lí ở phổ thông cũng như những nét hấp dẫn của môn học; phân tích được những cơ hội và thách thức của Địa lí học trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Từ đó, có ý thức xác định hướng nghề nghiệp của mình sau khi học xong THPT.

Tiếp đến, HS được học về sử dụng bản đồ, chú trọng hơn vào các nội dung như: Một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ, phương pháp sử dụng bản đồ trong học tập địa lí và trong đời sống, một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống. Bản đồ là một khoa học độc lập với Địa lí học, nhưng hết sức cần thiết đối với nghiên cứu và học tập địa lí, vì khoa học Địa lí nghiên cứu về không gian lãnh thổ. Đối với học sinh phổ thông, việc sử dụng được bản đồ trong học tập và đời sống có ý nghĩa rất quan trọng, chương trình nhấn mạnh hoạt động này, không đi sâu vào cách thức xây dựng, biên soạn bản đồ.

Các mạch kiến thức địa lí tự nhiên đại cương bắt đầu từ những hiểu biết chung về Trái Đất (học thuyết về sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất, thuyết kiến tạo mảng, hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất); sau đó, đi sâu vào nghiên cứu các quyển của Trái Đất (thạch quyển, khí quyển, thủy quyển, sinh quyển); cuối cùng khái quát lại thành một số quy luật địa lí chung của Trái Đất (quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí, quy luật địa đới và phi địa đới). Như vậy, chương trình chọn cách tiếp cận từ cụ thể đến khái quát, bắt đầu giới thiệu về Trái Đất, đi sâu vào các thành phần, sự vật, hiện tượng, mối liên hệ ở các quyển, khái quát thành các quy luật địa lí chung.

Các mạch kiến thức địa lí kinh tế - xã hội đại cương gồm địa lí dân cư (dân số và sự phát triển dân số trên thế giới, gia tăng dân số, cơ cấu dân số, phân bố dân cư, đô thị hoá); các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế; địa lí các ngành kinh tế (nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp, dịch vụ); phát triển bền vững và tăng trưởng xanh.

Trong chương trình phổ thông, các nội dung về địa lí đại cương đã được học sinh làm quen ở Địa lí 6. Đến lớp 10, học sinh được học sâu hơn về các sự vật, hiện tượng, quá trình địa lí. Nội dung Địa lí 10 đòi hỏi các em không chỉ ở mức độ biết và hiểu mà còn nhận thức ở mức độ vận dụng và vận dụng cao có tác dụng thiết thực cho việc phát triển năng lực.

Các chuyên đề học tập ở Địa lí 10 chủ yếu tập trung vào hai lĩnh vực nâng cao kiến thức và phương pháp nghiên cứu, học tập địa lí. Chuyên đề Biến đổi khí hậu và Đô thị hoá đề cập đến các vấn đề nổi bật hiện nay và có tính lâu dài trong Địa lí học, góp phần giúp học sinh có thêm hiểu biết địa lí và làm cơ sở cho việc xác định hướng nghề nghiệp của bản thân. Chuyên đề Phương pháp viết báo cáo trang bị cho các em những hiểu biết và kỹ thuật viết báo cáo, rèn luyện kỹ năng và phát triển năng lực viết báo cáo cho HS, góp phần thiết thực vào việc định hướng nghề nghiệp cho HS.

LỚP 11: ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI

Ở lớp 7, học sinh đã được học về địa lí các châu lục (châu Âu, châu Á, châu Phi, châu Mĩ, châu Đại Dương). Chương trình Địa lí ở THCS đã giúp cho HS có các kiến thức về vị trí địa lí, phạm vi, một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên, dân cư, xã hội và phương thức con người khai thác, sử dụng, bảo vệ thiên nhiên ở các châu lục, làm cơ sở cho việc học sâu về địa lí kinh tế - xã hội các khu vực và quốc gia trên thế giới.

Chương trình Địa lí lớp 11 học về Địa lí kinh tế - xã hội thế giới, gồm hai phần chính với các nội dung cụ thể sau:

- Phần A. Một số vấn đề về kinh tế - xã hội thế giới. Phần này đề cập đến một số vấn đề chung có tính điển hình trên thế giới hiện nay. Các vấn đề nổi bật gồm:

+ Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước (sự phân chia thành các nhóm nước; sự khác biệt về kinh tế - xã hội của các nhóm nước). Có nhiều cách phân loại các nước ở trên thế giới hiện nay; ngoài cách chia theo thu nhập bình quân đầu người, cách chia phổ biến nhất được sử dụng nhiều lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội,... là chia thành hai nhóm nước phát triển và đang phát triển với các chỉ tiêu về thu nhập bình quân (tính theo GNI/người); cơ cấu kinh tế và chỉ số phát triển con người. CT làm rõ cách phân loại này, đồng thời nhấn mạnh đến sự khác biệt giữa hai nhóm nước về kinh tế - xã hội.

+ Toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế và an ninh toàn cầu, nền kinh tế tri thức. Trong các nội dung này, vấn đề thứ nhất cần chú ý là toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế với những biểu hiện, hệ quả và ảnh hưởng đến các nước trên thế giới, nhất là các nước đang phát triển, phân biệt được một số tổ chức khu vực và quốc tế trên thế giới. Vấn đề thứ hai là cần nhấn mạnh đến an ninh toàn cầu, thay cho cách diễn đạt về nền hoà bình trên thế giới vì an ninh toàn cầu ngày càng trở nên hết sức cấp thiết và gay gắt trên toàn thế giới, tác động mạnh mẽ đến con người và đời sống kinh tế - xã hội của nhiều quốc gia, khu vực, vùng lãnh thổ. Vấn đề thứ ba là nền kinh tế tri thức với những đặc điểm và các biểu hiện. Cần chú ý rằng, nền kinh tế tri thức là hệ quả của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại; cuộc cách mạng 4.0 là một phần quan trọng của cuộc cách mạng khoa học công nghệ, không phải hoàn toàn là cuộc cách mạng khoa học công nghệ.

Các vấn đề chung của kinh tế - xã hội thế giới được cụ thể hoá vào trong địa lí khu vực và quốc gia.

- Phần B. Địa lí khu vực và quốc gia. Chương trình không học hết tất cả các khu vực và quốc gia trên thế giới mà chỉ chọn học một số khu vực và quốc gia tiêu biểu. Kế thừa sự chọn lọc của chương trình hiện hành, phù hợp với sự phát triển hiện nay trên thế giới và tính đại diện cho các nhóm nước, các khu vực lãnh thổ, các vấn đề kinh tế - xã hội chung của thế giới, CT chọn một số khu vực và quốc gia điển hình sau:

+ Khu vực Mỹ La tinh: Các nước trong khu vực này có những điểm tương đồng về sự phát triển kinh tế - xã hội và thuộc nhóm nước đang phát triển. Cộng hoà Liên bang Bra-xin được chọn làm một trường hợp nghiên cứu điển hình về tình hình phát triển kinh tế và những vấn đề xã hội cần giải quyết.

+ Liên minh châu Âu (EU) là một tổ chức liên kết kinh tế khu vực lớn, nổi bật trên thế giới về tính liên kết chặt chẽ và vị thế trong nền kinh tế thế giới. Cộng hoà liên bang Đức là nước có vai trò chủ yếu trong sự hình thành, củng cố và phát triển của EU. CHLB Đức được chọn nghiên cứu về công nghiệp do sự phát triển của ngành này, đồng thời đây cũng là quốc gia được xem như khởi đầu của cuộc cách mạng 4.0; quốc gia thuộc nhóm nước phát triển.

+ Khu vực Đông Nam Á: gồm các nước có nhiều nét tương đồng về tự nhiên, dân cư, xã hội và con đường phát triển kinh tế. Hạt nhân của khu vực được chọn nghiên cứu sâu hơn là Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Đây là một khu vực kinh tế ở châu Á bao gồm các nước thuộc nhóm đang phát triển (trừ Xinh-ga-po), trong đó có Việt Nam. Sự phát triển của khu vực này có nhiều tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

+ Khu vực Tây Nam Á: gồm nhiều nước thuộc nhóm nước đang phát triển, có nhiều nét tương đồng về tự nhiên, dân cư, xã hội và phát triển kinh tế, trong đó nổi bật với các khó khăn của thiên nhiên khắc nghiệt, tài nguyên dầu mỏ, các xung đột về tôn giáo, khủng bố. Các vấn đề về kinh tế và xã hội của khu vực này có tác động lớn đến kinh tế - xã hội của nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, nhất là vấn đề dầu mỏ. Cũng chính vì vậy, dầu mỏ được nghiên cứu sâu như một trường hợp điển hình của khu vực.

+ Hợp chúng quốc Hoa Kỳ: Nền kinh tế hàng đầu thế giới, phát triển mạnh với mô hình kinh tế thị trường sâu sắc, kinh tế tự do, có tính dân chủ cao, đại diện cho nhóm các nước phát triển; là nước thuộc Bắc Mỹ.

+ Liên bang Nga: Là nước có lãnh thổ rộng lớn vắt qua cả hai châu lục Á và Âu, có lịch sử phát triển đầy biến động trong những năm sau thế kỷ XX, nền kinh tế có nhiều thăng trầm, từ kế hoạch hoá xã hội chủ nghĩa chuyển sang nền kinh tế thị trường cùng với việc thay đổi chế độ chính trị. Liên bang Nga là nước có nhiều quan hệ khăng

khít với Việt Nam. Hiện nay, Liên bang Nga có một vị thế quan trọng trong nền kinh tế - xã hội thế giới.

+ Nhật Bản: Là một nước phát triển kinh tế cao nằm ở châu Á với con đường phát triển khác với nhiều nước, điển hình về khắc phục khó khăn của thiên nhiên, phát huy lợi thế của lực lượng lao động, vươn lên mạnh mẽ từ những khắc nghiệt sau chiến tranh, nền kinh tế hướng ra thế giới với sự phát triển các ngành đòi hỏi công nghệ cao và phát triển mạnh thương mại.

+ Cộng hoà nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc): Quốc gia thuộc nhóm nước đang phát triển có dân số đông nhất thế giới, cuối thế kỷ XX đã đưa nền kinh tế đứng thứ hai thế giới (sau Hoa Kỳ). Khác với Hoa Kỳ về con đường phát triển và mô hình kinh tế, nhưng kinh tế của Trung Quốc có sự tăng trưởng rất nhanh vào những năm cuối thế kỷ XX. Trung Quốc là nước láng giềng và có cùng mô hình chính trị nước xã hội chủ nghĩa như Việt Nam.

+ Australia (Ô-xtrây-li-a): Australia là một quốc gia thuộc nhóm nước phát triển, nằm ở Nam bán cầu, lãnh thổ chiếm phần lớn châu Đại Dương, có nhiều nét riêng về tự nhiên, dân cư, xã hội và phát triển kinh tế. Đồng thời, đây cũng là một quốc gia có vị thế khá quan trọng trong việc góp phần giữ vững hoà bình và ổn định ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

+ Cộng hoà Nam Phi có những đặc điểm riêng về phát triển kinh tế so với tất cả các nước khác ở châu Phi, là một hình mẫu về phát triển kinh tế dựa vào các tiềm lực tự nhiên, kinh tế - xã hội và thu hút mạnh nguồn vốn và các nguồn lực khác từ một số nước phát triển trên thế giới.

Cấu trúc nội dung của mỗi quốc gia, khu vực thông thường như sau: vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên; dân cư, xã hội; kinh tế. Tuy cùng cấu trúc, nhưng tính đặc trưng của mỗi quốc gia, khu vực về tự nhiên, dân cư, xã hội, kinh tế được làm rõ thông qua các yêu cầu cần đạt của chương trình quy định. Điều này cho phép tránh được tính dàn trải và đơn điệu khi trình bày về các lãnh thổ quốc gia, khu vực.

Các chuyên đề học tập ở Địa lí 11 tập trung vào lĩnh vực nâng cao kiến thức địa lí, gồm có chuyên đề Một số vấn đề về khu vực Đông Nam Á (Ủy hội sông Mê Công, hợp tác hoà bình trong khai thác Biển Đông); Một số vấn đề về du lịch thế giới); Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0).

LỚP 12: ĐỊA LÍ VIỆT NAM

Chương trình Địa lí Việt Nam ở lớp 12 gồm các nội dung về địa lí tự nhiên, địa lí dân cư, địa lí các ngành kinh tế, địa lí các vùng kinh tế và thực hành tìm hiểu địa lí địa phương. Các nội dung này được trình bày theo hình thức chủ đề hoặc vấn đề.

- Địa lí tự nhiên Việt Nam: Nội dung Địa lí tự nhiên Việt Nam gồm các chủ đề về vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ, thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến

sản xuất và đời sống, sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên, vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Các chủ đề này làm rõ những đặc điểm cơ bản của thiên nhiên Việt Nam là nằm trong vùng nội chí tuyến gió mùa, thiên nhiên đậm nét nhiệt đới ẩm gió mùa biểu hiện sâu sắc trong các thành phần tự nhiên, lãnh thổ có sự phân hoá đa dạng theo cả chiều bắc nam, tây đông, độ cao và phân hoá rõ rệt thành ba miền địa lý tự nhiên với các đặc trưng lãnh thổ khác nhau. Vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường được xem như phân kết nối giữa con người và thiên nhiên trong khai thác, sử dụng và phát triển lãnh thổ một cách hợp lý theo hướng bền vững. Các vấn đề thực tế về tài nguyên, môi trường nổi cộm ở nước ta hiện nay có điều kiện để đưa vào trường học, đặt ra trước học sinh những suy nghĩ, thái độ và hành động tham gia vào thực tế phát triển đất nước. Đó cũng là cơ sở quan trọng cho việc định hướng nghề nghiệp của các em

- Địa lý dân cư Việt Nam: Nội dung tập trung vào các chủ đề về dân số, lao động và việc làm, đô thị hoá. Các chủ đề này làm nổi bật bức tranh về dân cư Việt Nam từ quy mô, chất lượng, cơ cấu tuổi, phân bố, thế mạnh và thách thức, chiến lược phát triển dân số đến nguồn lao động, việc làm, sử dụng lao động và hướng giải quyết việc làm, đặc điểm đô thị hoá, phân bố mạng lưới đô thị, ảnh hưởng của đô thị hoá đến phát triển kinh tế - xã hội. Những vấn đề về dân cư, lao động, việc làm hiện nay được cập nhật vào CT trở thành những kiến thức gắn chặt với thực tiễn đất nước, địa phương, giúp cho HS có cơ sở cần thiết để định hướng nghề nghiệp và xác định các nhiệm vụ phát triển bản thân.

- Địa lý các ngành kinh tế Việt Nam: Mở đầu bằng cái nhìn khái quát chung về vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế của đất nước (ý nghĩa; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; chuyển dịch cơ cấu theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ); tiếp đến đi sâu vào các ngành kinh tế cụ thể dưới dạng vấn đề: vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; vấn đề phát triển công nghiệp, vấn đề phát triển ngành dịch vụ. Cấu trúc thông thường của mỗi ngành gồm: vai trò, thế mạnh, tình hình phát triển và phân bố. Ở mỗi ngành công nghiệp, nông nghiệp có nội dung về tổ chức lãnh thổ sản xuất. Việc lựa chọn ngành kinh tế được dựa vào quyết định số 27/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 06 tháng 7 năm 2018 Ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam; trong đó chỉ chọn lựa một số ngành chủ yếu, có thế mạnh lâu dài, hiệu quả kinh tế cao và có tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của nhiều ngành kinh tế khác, đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Một số ngành công nghiệp được lựa chọn gồm: Khai thác than, dầu, khí; sản xuất điện; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính; sản xuất, chế biến thực phẩm; sản xuất đồ uống; dệt, may; giày dép. Trong các ngành dịch vụ, bên cạnh giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, ngành du lịch được chú trọng nhiều do các thế

manh to lớn, sự phát triển mạnh mẽ, rộng khắp và hiệu quả của ngành này ở nước ta hiện nay.

- Địa lí kinh tế các vùng Việt Nam: Nội dung gồm vùng kinh tế, vùng kinh tế trọng điểm và vùng biển Việt Nam.

+ Các vùng kinh tế: Nước ta hiện nay có 7 vùng kinh tế là Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long. Ở mỗi vùng trong CT, nội dung được trình bày theo vấn đề, mỗi vùng chỉ chọn một/một số vấn đề kinh tế nổi bật. Trung du và miền núi Bắc Bộ (khoáng sản và thủy điện, về cây trồng có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới (cây công nghiệp, rau quả) về chăn nuôi gia súc lớn và về kinh tế biển); Đồng bằng sông Hồng (vấn đề phát triển công nghiệp, vấn đề phát triển dịch vụ); Bắc Trung Bộ (phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản); Duyên hải Nam Trung Bộ (phát triển các ngành kinh tế biển: khai thác tài nguyên sinh vật biển, giao thông vận tải biển, du lịch biển, khai thác khoáng sản biển); Tây Nguyên (cây công nghiệp lâu năm, thủy điện, lâm nghiệp, khoáng sản (bôxít), du lịch; Đông Nam Bộ (phát triển các ngành kinh tế: công nghiệp, dịch vụ; nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản); Đồng bằng sông Cửu Long (Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển kinh tế, phát triển sản xuất lương thực và thực phẩm, du lịch). Trong mỗi vùng, mỗi vấn đề thường được trình bày theo hai nội dung chủ yếu: thế mạnh, việc khai thác thế mạnh (hiện trạng, định hướng,...).

+ Các vùng kinh tế trọng điểm: Các vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) được Đảng và Nhà nước xác định là các vùng động lực làm đầu tàu lôi kéo sự phát triển của các vùng khác trên cả nước. Hiện nay, trên cả nước có 4 vùng kinh tế trọng điểm là vùng KTTĐ Bắc Bộ (được thành lập theo quyết định số 747/TTg ngày 11/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ), KTTĐ miền Trung (được thành lập theo quyết định số 1018/1997/QĐ-TTg, ngày 29/11/1997 của Thủ tướng Chính phủ), KTTĐ phía Nam (được thành lập theo quyết định số 44/1998/QĐ-TTg, ngày 23/2/1998 của Thủ tướng Chính phủ) và KTTĐ vùng Đồng bằng sông Cửu Long (được thành lập theo quyết định số 492/QĐ-TTg ngày 16/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án thành lập vùng KTTĐ vùng Đồng bằng sông Cửu Long). Mỗi vùng được trình bày về quá trình hình thành và phát triển, nguồn lực, thực trạng, định hướng phát triển.

+ Biển Đông được trình bày trong CT như là một vùng kinh tế rộng lớn và đa dạng theo vấn đề về phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo, gồm các nội dung chủ yếu: Khái quát về Biển Đông và các đảo, quần đảo; tài nguyên thiên nhiên; khai thác tổng hợp tài nguyên biển – đảo; ý nghĩa chiến lược của Biển Đông trong việc phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh cho đất nước; hướng chung trong giải quyết các tranh chấp vùng biển - đảo. Trong chương

trình hiện hành, biển Đông được học thành hai bài độc lập, cách xa nhau về thời gian, một bài về tự nhiên biển Đông (ở đầu CT) và bài khác về vấn đề phát triển kinh tế và an ninh, quốc phòng vùng biển, đảo, quần đảo nước ta (ở cuối CT). Những khó khăn trong dạy học do sự chia cắt cơ học đó được khắc phục trong chương trình mới, khi tập trung cả đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và vấn đề phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh, quốc phòng biển đảo nước ta vào trong một chủ đề tổng hợp.

- Thực hành tìm hiểu địa lí địa phương

+ Trong CT mới, để đảm bảo tính mở và phân hoá của CT, nội dung địa lí địa phương được đưa vào phần phát triển CT do các cơ sở giáo dục ở địa phương đảm nhiệm. CT chỉ đề cập đến vấn đề thực hành tìm hiểu địa lí địa phương (cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) theo các chủ đề: Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và sự phân chia hành chính; tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên; dân cư và lao động; kinh tế.

+ Các yêu cầu cần đạt cũng được chỉ rõ trong CT: Giới thiệu được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và sự phân chia hành chính của tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương) dựa trên bản đồ của địa phương, Việt Nam hoặc Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã có; dựa vào bản đồ, lược đồ, biểu đồ, số liệu thống kê,... đã cho, phân tích được một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư - xã hội, kinh tế của địa phương; thu thập được tài liệu, tranh ảnh, số liệu,... để giới thiệu về địa lí địa phương; viết được báo cáo giới thiệu địa lí địa phương theo một số chủ đề.

Ở lớp 8, HS đã được tìm hiểu về địa lí tự nhiên Việt Nam theo hình thức đặc điểm (đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ, đặc điểm địa hình, đặc điểm khí hậu và thủy văn, đặc điểm thổ nhưỡng và sinh vật), biển đảo Việt Nam (vị trí địa lí, vị thế và đặc điểm vùng biển đảo Việt Nam, các vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông, tài nguyên và môi trường biển đảo Việt Nam). Ở lớp 9, học sinh đã được tìm hiểu về địa lí dân cư và địa lí kinh tế Việt Nam theo hình thức đặc điểm (địa lí dân cư Việt Nam, địa lí các ngành kinh tế, sự phân hoá lãnh thổ, phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường biển đảo). Đây là những cơ sở kiến thức để đến lớp 12, đi sâu vào nghiên cứu các chủ đề, vấn đề của địa lí Việt Nam.

Các chuyên đề học tập trong CT Địa lí 12 thuộc loại hình nâng cao kiến thức địa lí (Thiên tai và biện pháp phòng tránh; Phát triển vùng; Phát triển làng nghề).

+ Trong CT, HS đã được tìm hiểu về một số loại thiên tai rải rác trong các nội dung về địa lí tự nhiên và địa lí kinh tế các vùng; chuyên đề Thiên tai và biện pháp phòng tránh sẽ hệ thống hoá các thiên tai, nơi thường xảy ra, nguyên nhân và hậu quả, biện pháp phòng chống. HS cần trình bày được quan niệm, đặc điểm, nguyên nhân, phân loại thiên tai; một số thiên tai và nơi thường xảy ra (bão, lũ lụt, hạn hán, các thiên tai khác); phân tích được nguyên nhân, hậu quả của mỗi loại và xác định được các biện pháp phòng chống. (bão, lũ lụt, hạn hán, các thiên tai khác); phân tích được nguyên

nhân, hậu quả và xác định các biện pháp phòng chống; liên hệ, tìm hiểu được về một loại thiên tai cụ thể tại địa phương (hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả, giải pháp); thu thập được tranh ảnh, số liệu, video clips,... để trưng bày một số chủ đề về thiên tai ở nước ta; viết được đoạn văn ngắn tuyên truyền mọi người trong cộng đồng về thiên tai và các biện pháp phòng chống.

+ HS được học về vùng trong các chủ đề về địa lí kinh tế ngành và địa lí kinh tế các vùng với những đặc điểm riêng của mỗi lãnh thổ cụ thể. Tuy nhiên, để hiểu một cách hệ thống và bản chất về vùng, sự khác nhau giữa các loại vùng (theo các tiêu chí cụ thể): vùng kinh tế, vùng kinh tế trọng điểm, vùng ngành,... trình bày được đặc điểm và giải thích được sự hình thành của một số loại vùng kinh tế, cần có một chuyên đề hệ thống.

+ Làng nghề là một hình thức tổ chức hoạt động kinh tế lâu đời ở nước ta, hiện nay vẫn được tiếp tục phát triển và có nhiều tác động đến phát triển kinh tế địa phương, lao động và việc làm, tài nguyên và môi trường. Chuyên đề Phát triển làng nghề sẽ góp phần hình thành cho học sinh những hiểu biết về đặc điểm, quá trình hình thành và phát triển làng nghề; vị trí của làng nghề trong cơ cấu nền kinh tế; phân tích được vai trò của làng nghề, thực trạng và định hướng phát triển làng nghề; tác động của làng nghề đến kinh tế, xã hội và tài nguyên, môi trường; đồng thời phát triển ở học sinh năng lực liên hệ được thực tế ở địa phương.

2.3. Kế thừa chương trình hiện hành trong chương trình môn học

CTGD môn Địa lí đã kế thừa chương trình môn Địa lí hiện hành ở những điểm sau:

- Về cấu trúc các mạch nội dung chương trình: CT mới gồm các mạch nội dung về địa lí đại cương (tự nhiên, kinh tế - xã hội) học ở lớp 10; địa lí kinh tế - xã hội thế giới (khái quát thế giới, địa lí khu vực và các quốc gia) học ở lớp 11; địa lí Việt Nam (tự nhiên, dân cư, kinh tế) học ở lớp 12.

- Về các nội dung cơ bản: CT mới kế thừa các nội dung cơ bản có ở CT hiện hành.

+ Địa lí 10: Các nội dung cơ bản về một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ, kiến thức về Trái Đất và các quyển địa lí của Trái Đất (thạch quyển, khí quyển, thuỷ quyển, sinh quyển), một số quy luật của lớp vỏ địa lí; địa lí dân cư, địa lí kinh tế đại cương.

+ Địa lí 11: Các nội dung cơ bản về các nhóm nước trên thế giới, toàn cầu hoá và khu vực hoá, nền kinh tế tri thức; các nội dung cơ bản về một số khu vực và quốc gia trên thế giới (Mỹ Latinh, Liên minh châu Âu, Đông Nam Á, Tây Nam Á, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, LB Nga, Nhật Bản, CHND Trung Hoa, Astralia).

+ Địa lí 12: Các nội dung cơ bản về địa lí tự nhiên Việt Nam (vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ, thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa, sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên, vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường); địa lí dân cư, địa

lí kinh tế ngành, địa lí các vùng kinh tế.

- Về thực hành địa lí: CT hiện hành có khoảng từ 21 - 28% thời lượng dành cho các bài thực hành tùy theo mỗi lớp với các dạng khác nhau như: đọc bản đồ, phân tích bảng số liệu, vẽ biểu đồ, thảo luận nhóm, viết báo cáo, sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam... Trên cơ sở đó, CT mới tăng thời lượng nhiều hơn cho thực hành (đạt đến khoảng 50% thời lượng của CT với nhiều hình thức đa dạng.

- Về phương pháp giáo dục, hình thức tổ chức dạy học: CT mới kế thừa sự đa dạng về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, coi trọng việc dạy học phát huy tính tích cực học tập của học sinh. Đó là những cơ sở cần thiết cho việc chuyển sang dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh ở CT mới.

- Về thiết bị dạy học: Các thiết bị dạy học chủ yếu được sử dụng trong CT hiện hành (bản đồ, atlas, sơ đồ, biểu đồ, mô hình, bảng số liệu, tài liệu thống kê,...) đều được chú trọng sử dụng trong CT mới theo hướng đề cao hoạt động chủ động, tích cực, sáng tạo của học sinh trong nhận biết, tìm hiểu và vận dụng kiến thức.

2.4. Tiếp thu kinh nghiệm nước ngoài trong chương trình môn học

- Về mục tiêu: CT mới tiếp thu kinh nghiệm nước ngoài, chuyển mục tiêu từ cách tiếp cận nội dung sang tiếp cận phát triển năng lực.

- Về nội dung: Trên thế giới hiện nay, nội dung địa lí phổ thông được cấu tạo theo hai kiểu chương trình khác nhau:

+ Kiểu thứ nhất: Thể hiện rõ ở chương trình của Liên Xô (cũ) và hiện nay là ở CT của CHLB Nga với cấu trúc gồm các mạch nội dung địa lí đại cương, địa lí thế giới, địa lí tổ quốc (trong đó bao gồm cả địa lí địa phương). Trong mỗi mạch nội dung đều có cả địa lí tự nhiên, địa lí kinh tế - xã hội. CT môn Địa lí của Việt Nam được cấu trúc theo kiểu này; đồng thời đây cũng là kiểu CT được thực hiện ở Việt Nam trên hơn 40 năm, có tính ổn định cao và góp phần đào tạo ra hàng chục thế hệ người lao động của đất nước.

+ Kiểu thứ hai: Thể hiện rõ ở chương trình của nhiều nước trên thế giới, nhất các nước ở châu Âu và Hoa Kỳ, Australia. Theo kiểu này, nội dung địa lí tự nhiên không còn thuộc về địa lí, được xếp vào các khoa học về Trái Đất. Môn Địa lí có nội dung về địa lí nhân văn, chủ yếu tập trung vào con người và các hoạt động kinh tế.

- Về phương pháp giáo dục: CT môn Địa lí tiếp thu kinh nghiệm các nước, nhất là các nước phát triển về phương pháp giáo dục lấy học sinh làm trung tâm, đề cao hoạt động chủ động, tích cực, sáng tạo của học sinh trong học tập; dạy học theo hoạt động, trong hoạt động, bằng chính hoạt động của học sinh. Dạy học coi trọng thực hành, luyện tập, vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Việc dạy học được tiến hành theo nhiều phương pháp và hình thức tổ chức dạy học khác nhau, trong đó đề cao hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp của học sinh.

- Về phương pháp đánh giá kết quả giáo dục: CT môn Địa lí tiếp thu kinh nghiệm của CT các nước, chuyển sang đánh giá kết quả giáo dục theo định hướng phát triển năng lực; bên cạnh đánh giá kiến thức, kĩ năng, thái độ, chú trọng tập trung đánh giá việc vận dụng tổng hợp kiến thức, kĩ năng, thái độ vào giải quyết các vấn đề thực tiễn hoặc vấn đề học tập mới.

VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Căn cứ xác định phương pháp giáo dục của chương trình

- Nghị quyết 29-NQ/TW; nội dung ghi rõ: "Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học".

- Nghị quyết 88/2014/QH13, ghi rõ: "Tiếp tục đổi mới phương pháp giáo dục theo hướng: phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, bồi dưỡng phương pháp tự học, hứng thú học tập, kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm và khả năng tư duy độc lập: đa dạng hóa hình thức tổ chức học tập, tăng cường hiệu quả sử dụng các phương tiện dạy học, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông; giáo dục ở nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và xã hội".

- Kế thừa phương pháp dạy học của chương trình giáo dục môn Địa lí hiện hành (ban hành năm 2006). Quan điểm xây dựng và phát triển chương trình hiện hành ghi rõ: "Việc đổi mới phương pháp giáo dục môn học nhằm góp phần phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động và sáng tạo của học sinh trong học tập Địa lí; bồi dưỡng phương pháp học tập môn Địa lí để học sinh có thể tiếp tục tìm hiểu, mở rộng vốn văn hoá cần thiết cho bản thân; rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức địa lí vào thực tiễn".

- Các văn bản chỉ đạo dạy học của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ năm học 2007 - 2008 đến nay.

- Kinh nghiệm phát triển chương trình môn học của các nước có nền giáo dục tiên tiến.

2. Phương pháp giáo dục của chương trình

2.1. Định hướng chung

a) Đề cao vai trò chủ thể của học sinh

Năng lực chỉ được hình thành qua hoạt động; nếu HS không hoạt động, chỉ đơn thuần nghe giảng một cách thụ động thì không thể hình thành được các năng lực địa lí

cần thiết. Do vậy, nguyên tắc dạy học phát triển năng lực là GV phải tổ chức cho HS hoạt động tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo.

Trong quá trình dạy học, giáo viên là người tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, khuyến khích, tạo môi trường học tập cho học sinh; học sinh là người hoạt động học tập chủ động, tích cực, sáng tạo. Dưới sự tổ chức của giáo viên, học sinh được trải nghiệm, hoạt động đa dạng và đúng hướng theo các hình thức và phương pháp học tập khoa học, hợp lí; nhận thức và gắn bài học địa lí với thực tiễn địa phương, đất nước, thế giới; vận dụng kiến thức vào việc giải quyết các vấn đề về môi trường, kinh tế – xã hội tại địa phương; từ đó được phát triển nhận thức, kĩ năng địa lí, hình thành thái độ tích cực, phát triển các năng lực chuyên môn, góp phần vào hình thành các năng lực cốt lõi.

Công cụ để tổ chức hoạt động học tập của HS là phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học.

b) Đa dạng hoá phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Mỗi nội dung dạy học có thể được tiếp cận thích hợp bởi một hoặc nhiều phương pháp dạy học khác nhau. Nội dung môn Địa lí có tính tổng hợp cao, thích hợp cho sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau, nên trong dạy học Địa lí cần sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học.

2.2. Vận dụng phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với những bài học khác nhau

Phương pháp dạy học (PPDH) là cách thức hoạt động của giáo viên và học sinh trong những điều kiện dạy học xác định nhằm đạt mục đích dạy học. Có nhiều PPDH khác nhau được sử dụng trong dạy học địa lí THPT. Mỗi PPDH có đặc điểm, thế mạnh và hạn chế khác nhau, do vậy cần phải vận dụng kết hợp chúng với nhau. Sau đây là một số PPDH thường được sử dụng nhiều trong dạy học Địa lí THPT và có nhiều tác dụng trong việc tích cực hóa hoạt động học tập của HS,

- Giải quyết vấn đề

Phương pháp dạy học giải quyết vấn đề (problem solving method), hay dạy học dựa trên vấn đề (problem based learning), hoặc dạy học đặt và giải quyết vấn đề (problem posing and solving) là phương pháp, trong đó giáo viên đặt ra trước học sinh một (hay hệ thống) vấn đề nhận thức, chuyển học sinh vào tình huống có vấn đề, sau đó giáo viên phối hợp cùng học sinh (hoặc hướng dẫn, điều khiển học sinh) giải quyết vấn đề, đi đến những kết luận cần thiết của nội dung học tập. Đây là phương pháp được xem xét nhiều về mặt tính chất hoạt động của HS và GV.

Phương pháp giải quyết vấn đề được tiến hành theo một trình tự sau:

+ Đặt vấn đề và chuyển học sinh vào tình huống có vấn đề. Đặt vấn đề trong phần lớn trường hợp, là đặt ra trước học sinh một câu hỏi. Tuy nhiên, đó không phải là câu hỏi thông thường như trong đàm thoại, mà phải là câu hỏi có vấn đề. Nghĩa là, câu

hỏi phải chứa đựng:

- Một mâu thuẫn giữa kiến thức cũ và kiến thức mới, giữa cái đã biết và cái chưa biết cần phải khám phá, nhận thức, giữa vốn kiến thức khoa học đã có và vốn kiến thức thực tiễn đa dạng. Ví dụ: "Vì sao, ở nước ta hiện nay, tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên giảm, nhưng dân số vẫn tăng nhanh?", "Thường ở nơi đông dân, nền kinh tế gặp nhiều khó khăn trong phát triển, thế nhưng tại sao đồng bằng sông Hồng là vùng đông dân, nhưng vẫn là vùng có trình độ phát triển cao so với trung bình của cả nước?"...

- Một sự lựa chọn. Ví dụ: "Kiên Giang là tỉnh đứng đầu cả nước về sản lượng khai thác hải sản là do có nhiều tàu đánh cá nhất, do nằm gần các ngư trường giàu có nhất, do có khí hậu thuận lợi để khai thác quanh năm, do tất cả các nguyên nhân trên. Trong số đó, nguyên nhân nào đúng nhất?".

- Một nghịch lí, một sự kiện bất ngờ, một điều gì không bình thường so với cách hiểu cũ của HS và đôi khi ban đầu thoát nghe, tưởng chừng như vô lí làm HS ngạc nhiên. Ví dụ: HS đã biết thiên tai gây ra nhiều hậu quả xấu cho con người, nhưng tại sao ở Đồng bằng sông Cửu Long phải "sống chung với lũ?", ở Duyên hải miền Trung lại chủ trương "sống chung với thiên tai?"...

Tình huống có vấn đề là một trạng thái tâm lí, trong đó học sinh tiếp nhận mâu thuẫn khách quan (một khó khăn gặp phải trên bước đường nhận thức) như là mâu thuẫn chủ quan (mâu thuẫn nội tại của bản thân), bị day dứt bởi chính mâu thuẫn đó và có ham muốn giải quyết.

Để vấn đề trở thành tình huống đối với học sinh, câu hỏi đặt vấn đề phải lưu ý các điểm sau:

- Trong thành phần câu hỏi, phải có phần HS đã biết, phần kiến thức cũ và phần HS chưa biết, phần kiến thức mới. Hai phần này phải có mối quan hệ với nhau, trong đó phần HS chưa biết là phần chính của câu hỏi, HS phải có nhiệm vụ tìm tòi, khám phá. Ví dụ: "Thường những nơi ở gần biển thì khí hậu điều hoà, có mưa nhiều. Nhưng tại sao Phan Rang ở sát biển mà lượng mưa rất ít?".

- Nội dung câu hỏi phải thật sự kích thích, gây hứng thú nhận thức đối với học sinh. Trong rất nhiều trường hợp, câu hỏi gắn với các vấn đề thực tế gần gũi, thường lôi cuốn hứng thú học sinh nhiều hơn.

- Câu hỏi phải vừa sức HS, các em có thể giải quyết được, hoặc hiểu được cách giải quyết dựa vào việc huy động vốn tri thức sẵn có của mình bằng tư duy. Trong câu hỏi nên hàm chứa phương hướng giải quyết vấn đề, tạo điều kiện làm xuất hiện giả thuyết và tạo điều kiện tìm ra con đường giải quyết đúng.

Tình huống có vấn đề có thể được tạo ra vào lúc bắt đầu bài mới, bắt đầu một mục của bài, hay lúc đề cập đến một nội dung cụ thể của bài, một khái niệm, một mối liên hệ nhân quả.

Đặt và tạo tình huống có vấn đề có thể bằng cách dùng lời nói, mô tả, kể chuyện, đọc một đoạn trích, dùng bản đồ, sơ đồ, hình vẽ, tranh ảnh, băng hình video.

+ Giải quyết vấn đề

- Đề xuất các giả thuyết cho vấn đề đặt ra.
- Thu thập và xử lý thông tin theo hướng các giả thuyết đã đề xuất.

+ Kết luận

- Khẳng định hay bác bỏ giả thuyết.
- Phát biểu kết luận.

Dạy học giải quyết vấn đề có nhiều tác dụng trong việc nâng cao chất lượng dạy học địa lí. Tuy nhiên, nội dung các bài viết trong nhiều tài liệu giáo khoa địa lí thường dưới dạng tường minh, ít chứa đựng các vấn đề nhận thức, gây khó khăn cho việc sử dụng phương pháp giải quyết vấn đề trong dạy học. Để khắc phục điều này, giáo viên cần chú ý tìm tòi, phát hiện và xây dựng một số vấn đề ngay ở từng nội dung cụ thể, từng đơn vị kiến thức cơ bản trọng tâm của bài. Trong nhiều trường hợp, khi đặt ngược lại nội dung tài liệu sách giáo khoa, có thể làm nảy sinh cơ hội cho việc xuất hiện vấn đề.

Trong thực tế hiện nay, một số GV cho rằng phương pháp giải quyết vấn đề trong dạy học địa lí có nội dung tương tự đàm thoại gợi mở, chẳng hạn cũng bắt đầu một nội dung, một mục hay mở bài bằng một câu hỏi. Sau đó, giáo viên cũng tổ chức cho HS tìm kiếm câu trả lời và kết luận, chuyển sang nội dung (hay mục) khác. Thực ra, không hẳn hoàn toàn như vậy. Sự khác nhau giữa hai phương pháp này nằm ở các điểm cơ bản: thứ nhất, câu hỏi trong dạy học nêu vấn đề bắt buộc phải chứa đựng mâu thuẫn nhận thức; thứ hai, cũng là một phần hệ quả của loại câu hỏi có vấn đề - xuất hiện tình huống có vấn đề. Trong bước giải quyết vấn đề, ở phương pháp dạy học giải quyết vấn đề cần phải nêu ra giả thuyết.

- Khảo sát, điều tra

Phương pháp khảo sát, điều tra là phương pháp trong đó, căn cứ vào vấn đề được đặt ra và dựa vào cơ sở các giả thuyết, học sinh tiến hành thu thập thông tin từ nhiều nguồn và bằng nhiều cách khác nhau. Sau đó, tiến hành phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát để xác định các giả thuyết đúng, rút ra các kết luận, nêu các giải pháp hoặc đề xuất các kiến nghị.

Phương pháp khảo sát, điều tra được tiến hành theo các bước sau:

+ Đặt vấn đề khảo sát, điều tra, làm xuất hiện giả thuyết. Vấn đề khảo sát điều tra có thể do học sinh đặt ra trong quá trình quan sát và nghiên cứu sự vật, hiện tượng hay nội dung bài học, nhưng hình thức phổ biến hơn cả trong dạy học hiện nay là do giáo viên đề xuất dưới dạng các bài tập, câu hỏi, nhiệm vụ. Trên cơ sở vấn đề, các giả thuyết được đặt ra.

+ Tổ chức hoạt động khảo sát, điều tra

- Tổ chức: cá nhân hoặc nhóm.

- Hình thức thu thập thông tin: Quan sát, phỏng vấn, thu thập tư liệu, tranh ảnh, bản đồ, biểu đồ, sách báo, hiện vật...

- Xử lý thông tin: phân tích, tổng hợp, so sánh, phân loại, xác lập các mối liên hệ (nếu có), xác nhận giả thuyết đúng.

+ Kết luận, đề xuất giải pháp, kiến nghị. Trên cơ sở giả thuyết ban đầu, kết hợp với kết quả giải quyết vấn đề để rút ra kết luận, khẳng định giả thuyết nào đúng. Đề xuất giải pháp/kiến nghị (nếu có).

Về mặt hình thức, trong thực tế dạy học, một số giáo viên cho rằng phương pháp khảo sát, điều tra dường như có nét giống phương pháp đàm thoại gợi mở. Giáo viên cũng nêu câu hỏi, sau đó cũng hướng dẫn tìm kiếm nội dung trả lời. Thực ra trong phương pháp dạy học khảo sát, điều tra cũng không thể thiếu những thao tác đó. Điểm khác biệt cơ bản ở đây là học sinh phải tự tìm kiếm kiến thức từ các phương tiện sẵn có trong tay. Các em có thể trao đổi với nhau, có thể chùng xếp bản đồ, có thể xem thêm tài liệu tham khảo ngoài sách giáo khoa, có thể vẽ phác ra giấy, có thể tự ghi ý kiến của mình vào vở ghi ở vị trí thích hợp. Còn giáo viên chỉ đóng vai trò hướng dẫn, gợi ý, giúp đỡ thêm một số em yếu và tổ chức cho các em thảo luận ngắn và rút ra kết luận cần thiết.

Phương pháp khảo sát, điều tra có nhiều tác dụng tốt trong dạy học phát triển học sinh. Tuy nhiên, phù hợp với quy luật nhận thức, việc vận dụng phương pháp này phải đi từ thấp lên cao, từ chưa hoàn chỉnh đến hoàn chỉnh. Ban đầu, chỉ yêu cầu học sinh đọc lập thực hiện từng giai đoạn (ví dụ chỉ yêu cầu học sinh thu thập số liệu và dữ kiện thích hợp), sau đó nâng cao dần bằng cách yêu cầu các em thực hiện hầu hết các bước và tiến tới thực hiện độc lập.

- Thảo luận

Thảo luận là phương pháp học sinh mạn đàm, trao đổi với nhau xoay quanh một vấn đề được đặt ra dưới dạng câu hỏi, bài tập, hay nhiệm vụ nhận thức... Trong phương pháp này, học sinh giữ vai trò tích cực, chủ động tham gia thảo luận; giáo viên giữ vai trò nêu vấn đề, gợi ý, kiến thiết và tổng kết.

Phương pháp thảo luận trong dạy học là một dạng của phương pháp hợp tác. Các hoạt động của mỗi cá nhân trong lớp được tổ chức phối hợp theo chiều đứng (thầy - trò) và theo chiều ngang (trò - trò) để đạt mục tiêu chung. Phương pháp thảo luận ngoài việc giúp đánh giá được kiến thức, kỹ năng, phương pháp làm việc của học sinh, còn giúp hiểu được thái độ của học sinh.

Phương pháp thảo luận trong dạy học địa lí được tiến hành theo một số hình thức chủ yếu sau:

+ Thảo luận nhóm. Chia lớp học thành một số nhóm. Mỗi nhóm được giao một

(hay một số) vấn đề cụ thể, có yêu cầu thực hiện về nội dung, thời gian, cách làm... Học sinh trong nhóm cùng mạn đàm, trao đổi để làm sáng tỏ vấn đề. Sau khi thảo luận ở nhóm xong, mỗi nhóm cử đại diện của mình lên trình bày kết quả thảo luận của nhóm; các nhóm khác trao đổi, bổ sung; giáo viên nhận xét, kết luận bài học. Thảo luận nhóm được tiến hành theo các bước:

Bước 1: Chuẩn bị thảo luận

- Chia nhóm (chú ý cơ cấu HS giỏi, trung bình và các phẩm chất hiệu động, sôi nổi, khả năng tập hợp ý kiến nhóm của HS trong nhóm). Chọn trưởng nhóm, thư kí.

- Chỉ định vị trí các nhóm.

Bước 2: Giao nhiệm vụ cho từng nhóm.

- Rõ ràng, cụ thể, tất cả học sinh trong lớp đều hiểu.

- Mỗi nhóm có một nhiệm vụ riêng, hoặc các nhóm đều chung nhiệm vụ.

Bước 3: Tiến hành thảo luận nhóm.

- Học sinh thảo luận (trao đổi, bàn bạc, phân tích..., không tranh cãi). Yêu cầu thảo luận sôi nổi, trật tự, có ghi chép cẩn thận và chọn lọc, tổng hợp ý kiến.

- Giáo viên uốn nắn lệch lạc, điều chỉnh đúng hướng thảo luận, chú ý phát hiện các điểm đã thống nhất và còn tranh luận chưa đi đến kết quả ở từng nhóm.

- Giáo viên không giải đáp thắc mắc ngay, mà chỉ giúp học sinh hướng đi hoặc nguồn huy động các dữ liệu, tư liệu cần thiết cho việc làm sáng tỏ vấn đề.

Bước 4: Tổng kết thảo luận.

- Đại diện các nhóm trình bày trước lớp kết quả thảo luận của nhóm mình.

- Các nhóm khác, hoặc thành viên trong lớp nêu các ý kiến khác với kết quả thảo luận của nhóm bạn (nếu có), hoặc đề xuất kết quả hợp lí hơn.

- Giáo viên tổng kết, đi sâu làm rõ các nội dung nhận thức kèm theo uốn nắn các sai sót, sửa chữa lệch lạc, giải đáp thắc mắc, hoặc làm sáng tỏ thêm các vấn đề lí thú nảy sinh trong thảo luận.

+ Thảo luận cặp đôi. Hình thức thảo luận trước hết diễn ra ở hoạt động của 2 học sinh ngồi cạnh nhau. Sau khi có kết quả, nhóm này ghép với nhóm 2 người đối diện để có nhóm 4 người, tiếp tục thảo luận và sau đó tiếp tục ghép 2 nhóm 4 người để có nhóm 8 người thảo luận, ghép 2 nhóm 8 người thành 16 người thảo luận, cuối cùng là nhóm lớn nhất (toàn lớp) thảo luận. (Nếu lớp lẻ thì linh động có 1 nhóm 3 người).

+ Thảo luận chung toàn lớp. Thảo luận chung toàn lớp do giáo viên chủ trì điều khiển, học sinh đóng góp ý kiến của mình. Trong kiểu thảo luận này, giáo viên nên tập trung lần lượt giải quyết từng vấn đề và chuẩn bị kĩ lưỡng hệ thống câu hỏi gợi mở, định hướng nêu vấn đề giúp các em thảo luận.

Để phương pháp thảo luận tiến hành có kết quả tốt, cần lưu ý một số điểm sau:

+ Nên chọn những nội dung học tập tạo cơ hội thuận lợi cho thảo luận. Đó là các nội dung dễ gây ra nhiều ý kiến khác nhau. Những nội dung này thường có liên hệ với các vấn đề thực tiễn, mà học sinh đã có một số vốn tri thức nhất định, hoặc liên quan đến những bài học ở trước. Ngoài ra, việc thảo luận thông thường được tiến hành nhiều với kênh hình. Việc khám phá, tìm tòi, khai thác kiến thức từ kênh hình thường thu hút ý kiến của nhiều học sinh khác nhau.

+ Chuẩn bị kỹ các vấn đề đưa ra cho học sinh thảo luận, dự kiến trước các tình huống có thể nảy sinh trong quá trình thảo luận và các phương án giải quyết.

+ Rèn luyện cho học sinh ý thức tự biết mình (nhận rõ các điểm yếu và điểm mạnh của bản thân), tin vào các bạn và có mối liên hệ tốt trong nhóm, sẵn sàng giúp đỡ, hợp tác, hỗ trợ và cộng tác tích cực, tự giác, không ỷ lại và có ý thức tôn trọng, lắng nghe, chia sẻ, bổ sung ý kiến của bạn trong nhóm, lớp. Hoạt động nhóm sẽ có hiệu quả, nếu như có các xung đột sáng tạo (chứ không phải xung đột lệch lạc), lãnh đạo nhóm cởi mở, các quyết định đúng đắn của nhóm dựa vào sự kiện, chứ không dựa vào các ý kiến đánh giá mơ hồ, từng thành viên của nhóm thỏa mãn với việc thực hiện các mục tiêu, mọi việc được hoàn thành theo đúng tiến độ, tốn ít năng lượng.

- Tranh luận

Trong bài học địa lí có một số vấn đề có thể làm xuất hiện hai (hoặc nhiều) cách giải quyết khác nhau. Giáo viên có thể nêu ra các khả năng giải quyết, sau đó đặt câu hỏi chung cho toàn lớp và lấy ý kiến (bằng cách đưa tay) để phân loại số em theo cách này, số em theo cách khác. Sau đó, giáo viên đặt câu hỏi "Tại sao em chọn cách này mà không chọn cách khác?" để học sinh theo cách khác nhau tranh luận với nhau. Trong quá trình tranh luận, giáo viên nên có sự gợi ý hướng các em vào chủ đề chính, không đi quá xa, hoặc uốn nắn, sửa chữa kịp thời các ý kiến thiếu chính xác. Kết quả cuối cùng cần có sự khẳng định của giáo viên trên cơ sở giải thích rõ ràng và lí lẽ thuyết phục, kết hợp với tổng kết ý kiến của học sinh. (Lưu ý: có thể có cách giải quyết vấn đề được nhiều em ủng hộ hơn, nhưng chưa phải là cách đúng nhất)

Ví dụ 1: Sử dụng phương pháp tranh luận trong dạy học bài: Dân số và sự gia tăng dân số. Nội dung: Cơ cấu dân số. Giáo viên đặt vấn đề cho học sinh tranh luận: Hiện nay, có người cho rằng cơ cấu dân số nước ta thuộc loại già? Theo em, ý kiến đó đúng (A), hay không đúng (B)? Tại sao?

+ Giáo viên lấy ý kiến của học sinh (bằng cách đưa tay). Có một số em ủng hộ ý kiến A, một số ủng hộ ý kiến B.

+ Giáo viên đặt câu hỏi tương tự cho cả 2 phía học sinh "Tại sao em ủng hộ ý kiến này mà không ủng hộ ý kiến kia?". Sau đó tổ chức cho học sinh tranh luận khoảng 5 phút. Lưu ý, các em nói ngắn và mỗi học sinh ở mỗi phía chỉ được phép nêu một ý kiến tranh luận.

+ Giáo viên tổng hợp các ý kiến tranh luận, phân tích có sở khoa học, trên cơ sở tháp dân số Việt Nam. Kết luận.

Ví dụ 2: Khi dạy mục 2. Bảo vệ tài nguyên rừng, bài Bảo vệ tài nguyên sinh vật Việt Nam, GV đặt câu hỏi: Nguyên nhân nào làm suy giảm tài nguyên rừng nước ta?

+ HS (nhiều ý kiến khác nhau): Chiến tranh huỷ diệt, đốt rừng làm nương rẫy, khai thác quá mức phục hồi, quản lí bảo vệ kém, tất cả nguyên nhân trên.

+ GV (tiếp): Em nào ủng hộ nguyên nhân do chiến tranh huỷ diệt (đưa tay), đốt rừng làm nương rẫy (đưa tay), khai thác quá mức phục hồi (đưa tay), quản lí bảo vệ kém (đưa tay), tất cả nguyên nhân trên (đưa tay). Sau đó, GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS có cùng chung sự kiến trao đổi với nhau và trình bày cho toàn lớp nghe quan điểm của mình: "Tại sao em chọn nguyên nhân do chiến tranh huỷ diệt?", "Tại sao em chọn nguyên nhân do khai thác quá mức phục hồi?"...

+ Trên cơ sở ý kiến của các "nhóm", giáo viên đi đến khẳng định do tất cả các nguyên nhân trên. Việc lí giải của giáo viên về nguyên nhân này, cần lưu ý kết hợp với tổng kết lại các ý kiến đúng của học sinh.

- Báo cáo

Phương pháp báo cáo là phương pháp mà trong đó, học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên, thu thập, phân tích, tổng hợp số liệu, tư liệu... trình bày thành báo cáo, sau đó thuyết trình trước nhóm hay toàn lớp. Phương pháp báo cáo được tiến hành theo các bước:

+ Chuẩn bị báo cáo

• Thu thập thông tin là công việc đầu tiên của việc viết báo cáo, đòi hỏi học sinh phải xác định được các nguồn thông tin cần thu thập. Các nguồn đó có thể là sách giáo khoa, sách tham khảo (các thông tin từ bài viết, số liệu thống kê, lược đồ, biểu đồ, sơ đồ...), báo chí, tập san, niên giám thống kê, hoặc các tư liệu thành văn khác, từ Internet; cũng có thể các nguồn từ trong thực tế, như: sự vật, hiện tượng, quá trình địa lí trong thực tiễn quan sát được, kết quả khảo sát, điều tra thực tế tại địa phương, tại nơi ở, tại nơi trường đóng... Trong số các tư liệu trên, chỉ chọn lọc những thông tin có liên quan đến chủ đề cần thu thập, trình bày.

• Xử lí thông tin gồm phân tích, tổng hợp, khái quát hóa nguồn tư liệu đã thu thập.

Phân tích tư liệu: Xem xét tư liệu thu thập được có chính xác, cập nhật không, nội dung của tư liệu bao hàm vấn đề gì, liên quan đến nội dung nào của báo cáo...

Tổng hợp tư liệu: Bổ sung thêm những thông tin còn thiếu, lựa chọn những nội dung cần cho việc làm rõ nội dung báo cáo, liên hệ các thông tin với nhau nhằm xác lập tính thống nhất và rút ra các nhận xét cần thiết phù hợp với bản chất của sự việc, hiện tượng trong đề tài.

Khái quát hóa: Nêu những nhận xét, ý kiến nhận định khái quát hóa, hoặc từ kết quả hiện tượng có thể có những đề xuất thích hợp về giải pháp, biện pháp.

+ Xây dựng báo cáo

• Báo cáo có thể được trình bày bằng bài viết, hoặc có thể trình bày miệng (trên cơ sở đề cương đã được chuẩn bị sẵn). Bài báo cáo có thể trình bày dưới nhiều dạng khác nhau: một bài viết tường minh (dài hoặc ngắn), một số sưu tập tranh ảnh sắp xếp theo hệ thống kèm lời thuyết minh, một hệ thống lược đồ, hình vẽ, tranh ảnh, sơ đồ thể hiện một chủ đề nhất định... Nhưng phổ biến nhất hiện nay là bài viết (bài báo cáo).

• Bản báo cáo nhỏ của học sinh nên có những nội dung sau:

Giới thiệu ngắn gọn vấn đề báo cáo (tên vấn đề, địa điểm, thời gian, mục đích và nhiệm vụ cụ thể của hoạt động).

Trình bày vắn tắt các hoạt động và phương pháp đã thực hiện.

Trình bày, mô tả những kết quả đã thực hiện được.

Kết luận, đề xuất ý kiến (nếu có).

• Để báo cáo ngắn gọn và dễ làm rõ vấn đề, nên tăng cường sử dụng bản đồ, lược đồ, tranh ảnh, biểu đồ, sơ đồ, bảng số liệu, các số liệu rời...

+ Thuyết trình trước toàn lớp. Trình bày trên cơ sở đề cương đã chuẩn bị sẵn cần phải chú ý những điểm sau:

• Dùng lời nói có âm điệu tự tin, biểu cảm, rõ ràng.

• Sử dụng các kỹ thuật nói, đọc nhấn mạnh, nêu câu hỏi nghi vấn và tự trả lời, trình bày có vấn đề, tạo tình huống hấp dẫn người nghe.

Báo cáo miệng thường dùng cho học sinh các lớp lớn, thể hiện sự vận dụng tổng hợp nhiều kỹ thuật khác nhau, như thuyết trình, đối thoại... Sử dụng được phương pháp này, nghĩa là học sinh đã đặt mình vào vị trí của người vừa tìm tòi, thu thập, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa kiến thức, vừa phổ biến các tri thức địa lí cho những người xung quanh mình.

Để hình thành cho học sinh kỹ năng thu thập, xử lí, tổng hợp và trình bày thông tin địa lí bằng báo cáo, giáo viên lưu ý một số điểm sau:

+ Đặt các câu hỏi /nhiệm vụ cho HS ngay trong giờ học trên lớp có yêu cầu chọn lọc, khái quát hóa thông tin.

Các câu hỏi yêu cầu học sinh phải chứng minh hoặc phân tích một đối tượng hay hiện tượng, quá trình địa lí lại đòi hỏi ở học sinh kỹ năng thu thập tư liệu. Chẳng hạn, hãy phân tích các mặt thuận lợi và khó khăn của Biển Đông đối với kinh tế và đời sống của nhân dân ta, hay chứng minh rằng thiên nhiên nước ta có sự phân hóa đông tây rõ rệt.... Các câu hỏi này buộc học sinh phải tìm kiếm và chọn lọc các thông tin thích hợp, từ đó hình thành kỹ năng thu thập, chọn lọc và hệ thống hoá thông tin.

Thuận lợi cơ bản của cách thức này là có thể tiến hành thường xuyên trong tất cả

các bài lên lớp, ở nhiều nội dung khác nhau. Các câu hỏi có thể chú ý nhấn mạnh vào từng thao tác tư duy nhất định. Ví dụ: Có câu hỏi yêu cầu học sinh phải phân tích, tổng hợp, có câu hỏi yêu cầu học sinh trừu tượng hoá, có câu hỏi yêu cầu học sinh khái quát hoá. Rèn luyện các kỹ năng tư duy này chính là cơ sở để hình thành cho học sinh kỹ năng xử lý, tổng hợp, trình bày thông tin.

Câu hỏi có thể được đặt ra một cách độc lập, nhưng cũng có thể gắn với bản đồ, biểu đồ, hình vẽ, số liệu thống kê... yêu cầu học sinh thu thập và xử lý thông tin từ kênh hình. Những câu hỏi này có tác dụng tốt trong việc đa dạng hoá hoạt động học tập của học sinh, mở rộng phạm vi triển khai của kỹ năng, làm quen học sinh với các phương pháp học tập môn Địa lí.

+ Đặt ra cho học sinh bài tập có nội dung thu thập, xử lý tổng hợp và trình bày thông tin. Ví dụ, cho học sinh một số tư liệu và bảng số liệu về diện tích, năng suất, sản lượng lúa nước ta, yêu cầu học sinh viết một báo cáo ngắn về tình hình phát triển cây lúa của nước ta. Dạng bài tập này yêu cầu học sinh phải sắp xếp các tư liệu đã cho theo một hệ thống nhất định, đáp ứng yêu cầu của đề ra và viết nhận xét khái quát. Hoạt động này đòi hỏi học sinh phải chọn lọc, phân loại, hệ thống hoá và khái quát hoá thông tin.

Các bài tập địa lí rất đa dạng. Ngoài việc đưa cho học sinh các bài tập nhằm rèn luyện từng mặt của kỹ năng (thu thập, xử lý, tổng hợp, trình bày) cần phải có bài tập tổng hợp đòi hỏi học sinh phải thực hiện đầy đủ các kỹ năng thu thập, xử lý, tổng hợp và trình bày thông tin. Như vậy, mức độ các bài tập nên tăng dần từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ một thao tác riêng lẻ đến nhiều thao tác phối hợp với nhau. Trong quá trình dạy học, giáo viên cũng nên xây dựng một hệ thống bài tập rèn luyện kỹ năng viết báo cáo thực hiện từ đầu đến cuối năm học, từ đầu cấp đến cuối cấp, hội tụ đầy đủ kỹ năng này ở bài địa lí địa phương, yêu cầu học sinh khảo sát và trình bày thông tin địa lí địa phương.

Các bài tập về viết báo cáo có liên quan đến địa lí địa phương ở cuối cấp cũng nên thực hiện theo cả hai hướng: Thứ nhất, vận dụng kiến thức đã học để giải thích một số vấn đề thực tế địa phương. Ví dụ: Tại sao trước khi có gió mùa Đông Bắc tràn về, thường có mưa? hay: Tại sao để lợi dụng sức gió, ngư dân thường đi biển từ lúc sáng sớm tinh mơ và trở về bờ vào lúc ban chiều? Thứ hai, điều tra, khảo sát đơn giản tự nhiên, dân cư, kinh tế địa phương, trình bày các thông tin thành báo cáo nhỏ.

Bên cạnh các bài tập viết đòi hỏi thời gian dài hơn, cũng cần có nhiều bài tập yêu cầu học sinh nói. Chẳng hạn, trình bày bằng lời trước lớp những thông tin mình đã thu thập, xử lý, tổng hợp; hay trao đổi trong nhóm học tập về các thông tin mình đã tìm tòi, khám phá... Nhờ vào việc này, học sinh được phát triển kỹ năng nói, thông báo, truyền đạt thông tin bằng lời bên cạnh bài viết.

- Phương pháp dự án

+ Khái niệm dạy học dự án. Dạy học dự án là một hình thức dạy học hoặc một phương pháp dạy học phức hợp, trong đó dưới sự hướng dẫn của giáo viên, người học tiếp thu kiến thức và hình thành kỹ năng thông qua việc giải quyết một bài tập tình huống (dự án) có thật trong đời sống, theo sát chương trình học, có sự kết hợp giữa lý thuyết với thực hành và tạo ra các sản phẩm cụ thể. Người học tham gia vào hầu hết các khâu trong quá trình thực hiện dự án: từ việc xác định mục đích, lập kế hoạch, đến việc thực hiện, kiểm tra, điều chỉnh, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện. Làm việc nhóm được xem là hình thức cơ bản của dạy học dự án.

+ Các giai đoạn của dạy học dự án

Bước 1: Xác định chủ đề dự án/Chọn Đề tài

• Giáo viên xác định trong chương trình học tập các nội dung cơ bản có liên quan hoặc có thể ứng dụng vào thực tế; phát hiện những gì tương ứng đã và đang xảy ra trong cuộc sống, chú ý vào những vấn đề lớn mà xã hội và thế giới đang quan tâm.

• Xác định ý tưởng dự án, thiết lập đề tài.

• Lưu ý: Giáo viên có thể giới thiệu một số hướng của đề tài để HS tự chọn hoặc đề tài có thể xuất phát từ người học.

Bước 2: Xây dựng đề cương dự án. Giáo viên hướng dẫn HS xác định mục tiêu, nhiệm vụ, cách tiến hành, kế hoạch thực hiện dự án; xác định những công việc cần làm, phân công công việc trong nhóm, thời gian dự kiến, vật liệu, kinh phí...

Bước 3: Thực hiện dự án. Các thành viên trong nhóm thực hiện kế hoạch đã đề ra cho nhóm và cá nhân. Các hoạt động trí tuệ và hoạt động thực hành, thực tiễn xen kẽ và tác động qua lại với nhau. Kiến thức lý thuyết, phương án giải quyết vấn đề được thử nghiệm qua thực tiễn và sản phẩm được tạo ra.

Bước 4: Báo cáo kết quả. Kết quả thực hiện dự án có thể được viết dưới dạng dạng ấn phẩm (bản tin, báo, áp phích, bài thu hoạch, báo cáo, kịch bản, cảm nang, tập sách...) hoặc trình bày trên PowerPoint, hoặc thiết kế thành trang Web... Sản phẩm của dự án có thể được trình bày giữa các nhóm người học, giới thiệu trước lớp, trong trường hay ngoài xã hội...

Bước 5: Đánh giá dự án, rút kinh nghiệm. Giáo viên và người học đánh giá quá trình thực hiện và kết quả dự án, rút ra những kinh nghiệm cho việc thực hiện các dự án tiếp theo. Kết quả dự án có thể được đánh giá từ bên ngoài.

+ Cách xác định các chủ đề dự án trong một môn học.

• Có nhiều mức độ thiết kế dự án khác nhau: Dự án có thể được thực hiện trọn vẹn trong một bài dạy, cũng có thể chỉ tích hợp được phần quan trọng nhất trong bài hoặc một phần nào đó có liên quan. Dự án còn có thể xuyên suốt một số bài, một chương hoặc một số chương.

• Chủ đề bài dạy học thường là tên của một dự án học tập. Chủ đề bài dạy thường xuất phát từ nội dung bài học có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến những vấn đề thực tiễn trong cuộc sống, những vấn đề được xã hội, thế giới quan tâm, hoặc những vấn đề riêng của địa phương, của đất nước. Nội dung bài dạy và vấn đề liên quan trong thực tế thường có mối quan hệ hai chiều. Có thể đi từ nội dung bài dạy đến thực tiễn, hoặc ngược lại.

• Giáo viên có thể đề xuất một chủ đề lớn/tổng quát, nêu ý tưởng dự án, các nhóm học sinh sẽ tự đề xuất các chủ đề riêng của nhóm liên quan trực tiếp đến chủ đề giáo viên đã đưa ra.

Dạy học theo định hướng năng lực đề cao các hoạt động học tập của học sinh, nên cần tăng cường tối đa các phương pháp dạy học đề cao chủ thể học sinh như: thảo luận, tranh luận, đóng vai, dự án, viết báo cáo,... Tùy vào nội dung, điều kiện học tập cụ thể và đối tượng học sinh để sử dụng thích hợp và sáng tạo kỹ thuật trong các phương pháp dạy học này, lời cuốn tối đa việc tham gia chủ động, tích cực của học sinh vào quá trình dạy học.

Các phương pháp dạy học truyền thống như thuyết trình, hỏi đáp,... cần được sử dụng theo hướng phát huy tính tích cực và hứng thú học tập của học sinh, ví dụ như: giảng giải nêu vấn đề, hỏi đáp nêu vấn đề; truyền đạt kết hợp với bản đồ, hình ảnh trực quan, video clips,... Tuy nhiên, cần giảm đến mức tối đa các phương pháp dạy học nặng về thuyết trình một chiều, ít (hoặc không có) sự tham gia hoạt động của học sinh.

Các hình thức dạy học trong môn Địa lí rất đa dạng, như: dạy học cá nhân, dạy học theo nhóm, dạy học theo lớp; dạy học trên lớp, dạy học ngoài trời, dạy học trong thực tế, thực địa; tham quan, khảo sát địa phương, seminar; sưu tầm, hệ thống hoá, trưng bày, giới thiệu, triển lãm; thực hành, trò chơi, thí nghiệm địa lí, tự học,... Mỗi hình thức thích hợp với một hoặc một số phương pháp dạy học, đồng thời có thể mạnh và hạn chế riêng nên cần được kết hợp với nhau trong quá trình dạy học. Tuy nhiên, phù hợp với dạy học phát triển năng lực cần tăng cường tối đa các hình thức tổ chức dạy học đề cao hoạt động chủ động, tích cực, sáng tạo của học sinh. Trong nhiều trường hợp, giáo viên cần gợi ý, hướng dẫn học sinh tìm các ý tưởng tổ chức học tập, yêu cầu các em phát triển thành các hoạt động nhận thức cụ thể và thực hiện, từ đó phát triển các phẩm chất và năng lực.

VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Căn cứ xác định mục tiêu, nội dung và cách thức đánh giá của chương trình

a) Nghị quyết 29-NQ/TW; nội dung ghi rõ: "Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan". "Việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo cần từng bước theo các tiêu chí tiên tiến được xã hội và cộng đồng giáo dục thế giới tin cậy và công

nhận. Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học; đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và của xã hội.

Đổi mới phương thức thi và công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông theo hướng giảm áp lực và tốn kém cho xã hội mà vẫn bảo đảm độ tin cậy, trung thực, đánh giá đúng năng lực học sinh, làm cơ sở cho việc tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học."

b) Nghị quyết 88/2014/QH13, ghi rõ: "Đổi mới căn bản phương pháp đánh giá chất lượng giáo dục theo hướng hỗ trợ phát triển phẩm chất và năng lực học sinh; phản ánh mức độ đạt chuẩn quy định trong chương trình; cung cấp thông tin chính xác, khách quan, kịp thời cho việc điều chỉnh hoạt động dạy, hướng dẫn hoạt động học nhằm nâng cao dần năng lực học sinh.

Thi và đánh giá kết quả học tập của học sinh dựa vào chương trình giáo dục phổ thông..."

- Các văn bản chỉ đạo dạy học của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ năm học 2010 - 2011 đến nay. Tại công văn số 5466/BGDĐT-GDTrH ngày 07 tháng 8 năm 2013 Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2013 - 2014, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nêu rõ: "Các hình thức kiểm tra, đánh giá đều hướng tới phát triển năng lực của học sinh; Đối với các môn khoa học xã hội và nhân văn cần tiếp tục nâng cao yêu cầu vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tăng cường ra các câu hỏi mở, gắn với thời sự quê hương đất nước để học sinh được bày tỏ chính kiến của mình về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội".

c) Kinh nghiệm phát triển chương trình môn học của các nước có nền giáo dục tiên tiến.

d) Quan niệm hiện đại về đánh giá kết quả giáo dục : Kiểm tra và đánh giá là một thành phần quan trọng của quá trình dạy học, thống nhất với nhau nhằm xác định kết quả thực hiện mục tiêu dạy học. Kiểm tra là thu thập thông tin về kết quả thực hiện mục tiêu dạy học. Đánh giá là xác định mức độ đạt được về thực hiện mục tiêu dạy học, thực chất là việc xem xét mức độ đạt được của hoạt động học của HS so với mục tiêu đề ra đối với từng môn học, từng lớp học, cấp học. Kiểm tra, đánh giá có hai chức năng cơ bản:

+ Chức năng xác định: Xác định mức độ đạt được trong việc thực hiện mục tiêu dạy học. Việc xác định đòi hỏi tính chính xác, khách quan, công bằng.

+ Chức năng điều khiển: Phát hiện những mặt tốt, mặt chưa tốt và nguyên nhân, làm căn cứ để điều chỉnh hoạt động dạy học.

Kiểm tra đánh giá có nhiệm vụ cung cấp thông tin phản hồi làm cơ sở để điều chỉnh hoạt động dạy và học.

Kiểm tra đánh giá truyền thống song hành cùng với phương pháp dạy học truyền thống, theo các quan điểm giáo dục truyền thống, tồn tại từ rất lâu trong các nhà trường trên toàn thế giới). Kiểm tra đánh giá truyền thống có một số đặc điểm chủ yếu: Chú trọng đến ghi nhớ, tái hiện kiến thức; chú trọng đến chức năng tổng kết; mang tính chủ quan và không hoàn toàn chính xác; tính phân hóa thấp; coi trọng kết quả, coi nhẹ quá trình; người học bị động trong quá trình đánh giá.

Xu hướng kiểm tra đánh giá hiện nay:

+ Đánh giá để hỗ trợ sự học tập. Việc đánh giá có mối quan hệ chặt chẽ với chương trình và phương pháp dạy học. Đánh giá có tác dụng quan trọng đối với việc giúp HS trong quá trình học tập, không chỉ tạo ra các cơ hội để HS thể hiện các kiến thức và kỹ năng mà còn tăng thêm việc học đó.

+ Đánh giá bám sát mục tiêu giáo dục. Mục tiêu giáo dục là cơ sở quan trọng để đánh giá kết quả giáo dục. Bám sát mục tiêu để đánh giá là yêu cầu cơ bản.

+ Đa dạng hóa loại hình và phương pháp kiểm tra đánh giá.

+ Đảm bảo các nguyên tắc: Có mục đích rõ ràng và cụ thể, đảm bảo tác động đến quá trình dạy học, đa dạng hoá các phương pháp kiểm tra đánh giá, đảm bảo tính toàn diện và phân hoá; đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị; đảm bảo sự công bằng.

2. Mục tiêu, nội dung và cách thức đánh giá của chương trình

2.1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của học sinh trong môn Địa lí là hoạt động xem xét, so sánh mức độ đạt được của mỗi học sinh theo yêu cầu cần đạt của môn học đã đề ra, tìm ra những nguyên nhân và tiềm năng học tập của các em. Đánh giá là một bộ phận hợp thành quan trọng của quá trình dạy học địa lí, vừa thu thập các thông tin về chất lượng học tập, phân loại học sinh; vừa nhằm điều chỉnh việc dạy học, thúc đẩy quá trình học tập của học sinh. Trong đó, mục đích bao trùm của đánh giá là nhằm vào sự tiến bộ trong học tập địa lí, sự phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh.

2.2. Căn cứ và nội dung đánh giá

Đánh giá theo định hướng năng lực trong môn Địa lí tập trung vào việc học sinh thông hiểu các kiến thức cơ bản, thiết thực, mức độ thành thạo của kỹ năng địa lí và việc vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ để giải quyết các vấn đề trong tình huống của học tập và thực tiễn; trong đó chú trọng đề cao đánh giá khả năng vận dụng kiến thức của học sinh.

Để thực hiện đánh giá kết quả học tập địa lí theo định hướng năng lực cần xác định rõ các biểu hiện cụ thể của phẩm chất và năng lực, xây dựng thành các tiêu chí đánh giá; mỗi tiêu chí được đánh giá theo các mức độ nhất định; kết quả đánh giá cuối cùng được thể hiện ở mức độ tổng hợp chung của các tiêu chí.

Ví dụ về đánh giá năng lực sử dụng bản đồ: Năng lực sử dụng bản đồ được thể hiện ở các tiêu chí sau: Đọc được bản đồ để khai thác thông tin, kiến thức cần thiết; khai thác được các kênh thông tin bổ sung (biểu đồ, tranh ảnh,...) từ bản đồ, atlas địa lí; đọc được lát cắt địa hình; sử dụng được một số bản đồ thông dụng trong thực tế. Mỗi tiêu chí được đánh giá theo các mức A, B, C, D hoặc bằng điểm số 10 – 9, 7 – 8, 5 – 6, dưới 5. Bằng các bài kiểm tra viết, thực hành, bài tập, học ngoài thực địa,... giáo viên đánh giá mức độ đạt được theo các tiêu chí. Kết quả đánh giá cuối cùng là tổng hợp đánh giá của tất cả các tiêu chí trên.

Cách thức đánh giá phẩm chất cũng tương tự như đánh giá năng lực. Ví dụ: Phẩm chất yêu thiên nhiên có thể xây dựng thành các tiêu chí: trân trọng vẻ đẹp của tự nhiên; tích cực, phê phán và lên án các hành động huỷ hoại tự nhiên, chủ động tham gia các hoạt động bảo vệ tự nhiên; tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ tự nhiên. Mỗi tiêu chí được đánh giá theo các mức và kết quả đánh giá tổng hợp các tiêu chí là kết quả đánh giá cuối cùng.

2.3. Cách thức đánh giá

Để đánh giá theo các tiêu chí của phẩm chất và năng lực, cần sử dụng nhiều hình thức và phương pháp đánh giá khác nhau trong môn Địa lí, như hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan, kiểm thường xuyên và kiểm tra viết, bài lí thuyết và bài thực hành,...; các phương pháp quan sát, đánh giá sản phẩm học tập của học sinh (bài làm, bài tập, bài thực hành, bài báo cáo, sản phẩm của hoạt động dự án, của hoạt động nghiên cứu khoa học kĩ thuật,...).

Dù sử dụng hình thức và phương pháp đánh giá nào thì cũng cần phải đảm bảo tính toàn diện, khách quan, chính xác, phân hoá; kết hợp đánh giá trong suốt cả quá trình học tập (đánh giá quá trình) và đánh giá vào cuối kì, cuối năm học (đánh giá tổng kết); kết hợp đánh giá của giáo viên đối với học sinh và việc học sinh đánh giá lẫn nhau và tự đánh giá; đánh giá định lượng và định tính; đánh giá lí thuyết và thực hành; đánh giá trong hoạt động trên lớp và ngoài lớp, ngoài thực địa,...

VIII. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Định hướng thiết bị dạy học

Nguyên tắc dạy học quan trọng của địa lí là luôn sử dụng phương tiện dạy học với các yêu cầu cơ bản như: đảm bảo phù hợp với mục tiêu và nội dung dạy học, đúng lúc, phối hợp nhiều loại khác nhau, đủ cường độ và phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh.

Phương tiện dạy học địa lí có nhiều loại khác nhau, phổ biến trong dạy học môn Địa lí THPT là bản đồ giáo khoa, Atlas Địa lí Việt Nam, tập bản đồ địa lí tự nhiên đại cương, địa lí thế giới; tranh ảnh, mô hình (quả địa cầu, mô hình vận động quay của Trái Đất); các dụng cụ quan trắc thời tiết, dụng cụ đo vẽ địa hình; băng đĩa, video

clips; tài liệu, tư liệu (niên giám thống kê, số liệu kinh tế – xã hội các nước và lãnh thổ trên thế giới, tư liệu kinh tế – xã hội Việt Nam và các nước trên thế giới); thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông (Internet với đường truyền tốc độ cao, máy tính, máy chiếu, màn hình,... kết nối); phòng địa lí.

Phương tiện dạy học địa lí có hai chức năng cơ bản là trực quan và nguồn tri thức, trong đó chức năng nguồn tri thức đóng vai trò quan trọng đối với hoạt động nhận thức của học sinh. Bản thân phương tiện dạy học địa lí chứa đựng các kiến thức địa lí, ví dụ bản đồ chứa đựng các nội dung về phương hướng, khoảng cách, vị trí địa lí, đặc điểm, mối quan hệ lẫn nhau và nhân quả giữa các đối tượng địa lí,... Để sử dụng có hiệu quả các phương tiện dạy học địa lí, trong quá trình dạy học giáo viên cần tổ chức, hướng dẫn, tạo điều kiện để học sinh tìm tòi, khám phá, khai thác và chiếm lĩnh kiến thức từ các phương tiện dạy học địa lí; qua đó, học sinh vừa có được kiến thức, vừa được rèn luyện các kĩ năng địa lí và biết cách thức vận dụng kiến thức địa lí vào thực tiễn.

Công nghệ thông tin ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong dạy học nói chung và dạy học địa lí nói riêng. Giáo viên cần khuyến khích và tạo điều kiện, môi trường học tập thuận lợi cho học sinh khai thác thông tin từ Internet để phục vụ học tập; rèn luyện cho học sinh kĩ năng xử lí, trình bày thông tin địa lí bằng công nghệ thông tin và truyền thông; khuyến khích học sinh lập các trang Website học tập, trình bày báo cáo địa lí bằng các phần mềm thông dụng và thích hợp, xây dựng các video clips giới thiệu sự vật, hiện tượng địa lí,...

2. Ví dụ minh họa sử dụng một số thiết bị dạy học

2.1. Ví dụ về sử dụng *Atlas Địa lí Việt Nam*

- Yêu cầu: HS sử dụng trang 9 (Khí hậu) của *Atlas Địa lí Việt Nam* để so sánh về chế độ nhiệt và chế độ mưa của Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

- Hướng dẫn HS (theo nhóm):

+ Các yếu tố cần quan tâm về chế độ nhiệt là: Nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ tháng cao nhất và thấp nhất, biên độ nhiệt độ năm và biến trình nhiệt độ năm.

+ Các yếu tố cần quan tâm về chế độ mưa là: Tổng lượng mưa, tháng mưa lớn nhất và nhỏ nhất, sự phân mùa mưa và khô.

+ HS cần đọc các biểu đồ về nhiệt và mưa, bản đồ chính (khí hậu Việt Nam), các bản đồ phụ (bản đồ nhiệt độ, bản đồ lượng mưa từ tháng V - X, tháng XI - IV, cả năm) để rút ra các nhận xét, kèm theo dẫn chứng cụ thể từ *Atlas* theo dàn ý trên; chú ý so sánh giữa hai địa điểm.

- Làm việc toàn lớp: Sau khi các nhóm có kết quả, toàn lớp nghe đại diện một (hoặc hai nhóm) trình bày; các nhóm khác đối chiếu kết quả của nhóm mình, góp ý, trao đổi, bổ sung... khẳng định và thống nhất kết quả chung.

2.2. Ví dụ về sử dụng bảng số liệu thống kê

- Yêu cầu: Dựa vào bảng số liệu sau, nhận xét về tình hình vận chuyển hành khách phân theo các loại hình vận tải nước ta giai đoạn 2000 - 2017.

SỐ LƯỢT HÀNH KHÁCH VẬN CHUYỂN PHÂN THEO CÁC LOẠI HÌNH VẬN TẢI NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000 - 2017

(Đơn vị: Triệu lượt người)

Năm	Tổng số	Đường sắt	Đường bộ	Đường sông	Đường hàng không
2000	763,6	9,8	620,7	130,3	2,8
2005	1 349,6	12,8	1173,4	156,9	6,5
2010	2 315,2	11,2	2 132,3	157,5	14,2
2015	3 310,5	11,2	3 104,7	163,5	31,1
2017	3 994,1	9,6	3 760,0	180,0	44,5

(Nguồn: Tổng cục thống kê, NXB Thống kê, 2018)

- Hướng dẫn HS (theo nhóm):

+ Các yếu tố cần nhận xét về tình hình phát triển theo bảng số liệu là: Quy mô, cơ cấu, chuyển dịch cơ cấu, tốc độ tăng trưởng số lượt hành khách vận chuyển phân theo các loại hình vận tải.

+ Cần thực hiện một số phép tính để cho kết quả cần nhận xét: tính cơ cấu số lượt hành khách vận chuyển theo các loại hình vận tải ở mỗi năm, tính tốc độ tăng trưởng số lượt hành khách vận chuyển theo các loại hình vận tải năm 2017 so với 2000.

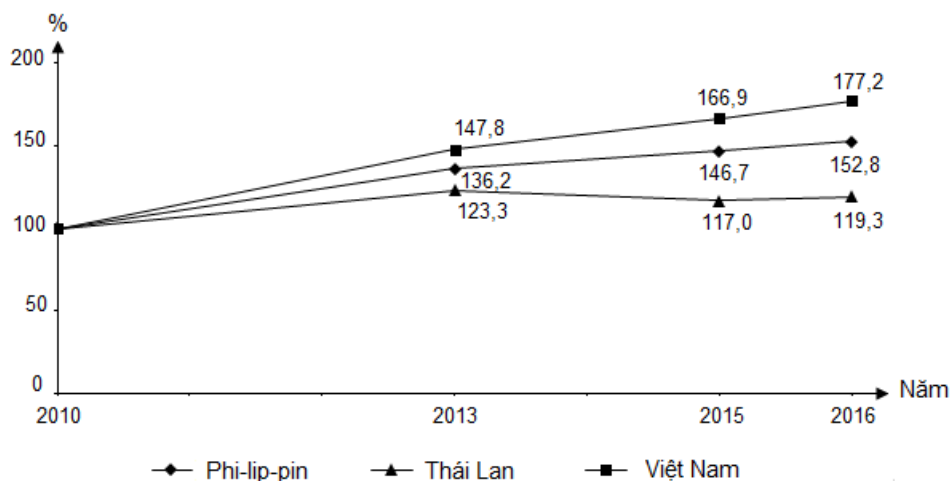
- HS làm việc

+ Theo nhóm: Tính toán, lập một số bảng số liệu phụ (mới), từ đó rút ra các nhận xét.

+ Toàn lớp: Sau khi các nhóm có kết quả, toàn lớp nghe đại diện một (hoặc hai nhóm) trình bày; các nhóm khác đối chiếu kết quả của nhóm mình, góp ý, trao đổi, bổ sung... khẳng định và thống nhất kết quả chung.

2.3. Ví dụ về sử dụng biểu đồ

- Yêu cầu: Căn cứ vào biểu đồ về GDP của Phi-lip-pin, Thái Lan và Việt Nam, giai đoạn 2010 - 2016, xác định nội dung được thể hiện ở trên biểu đồ.



- Hướng dẫn:

+ Cần nêu ra các giả thuyết. Việc nêu ra giả thuyết cần dựa vào chức năng của biểu đồ (cột, tròn, đường, miền,...) và thực trạng biểu đồ (đơn vị tính, số năm, hình dạng thể hiện,...).

+ Có thể có 4 giả thuyết sau: Nội dung biểu đồ thể hiện có thể là:

A. Cơ cấu GDP của Phi-lip-pin, Thái Lan và Việt Nam, giai đoạn 2010 - 2016.

B. Giá trị GDP của Phi-lip-pin, Thái Lan và Việt Nam, giai đoạn 2010 - 2016.

C. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Phi-lip-pin, Thái Lan và Việt Nam, giai đoạn 2010 - 2016.

D. Tốc độ tăng trưởng GDP của Phi-lip-pin, Thái Lan và Việt Nam, giai đoạn 2010 - 2016.

- HS làm việc

+ Theo nhóm: Phân tích các giả thuyết trên cơ sở biểu đồ, chọn giả thuyết đúng thể hiện nội dung của biểu đồ.

+ Toàn lớp: Sau khi các nhóm có kết quả, toàn lớp nghe đại diện một (hoặc hai nhóm) trình bày; các nhóm khác đối chiếu kết quả của nhóm mình, góp ý, trao đổi, bổ sung... khẳng định và thống nhất kết quả chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lí* (Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), NXB Giáo dục, 2007.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể* (Ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Hà Nội, 2018.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lí* (Ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Hà Nội, 2018.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí (cấp trung học cơ sở)* (Ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Hà Nội, 2018.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí (cấp tiểu học)* (Ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Hà Nội, 2018.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Địa lí lớp 12*. NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.
8. Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường, *Lí luận dạy học hiện đại, cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*, NXB Đại học Sư phạm, 2014.
9. Luật Giáo dục 2005.
10. Nghị quyết của Quốc Hội, số 88/2014/QH13 về *Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*.
11. Nguyễn Đức Minh (Chủ biên). *Giáo dục dân số*. Chương trình giáo dục dân số, Bộ Giáo dục và Đào tạo, 1988.
12. Nguyễn Đức Vũ, Phạm Thị Sen. *Đổi mới phương pháp dạy học địa lí ở trung học phổ thông*. NXB Giáo dục, 2004.
13. Nguyễn Đức Vũ. *Một số vấn đề về đổi mới dạy học môn Địa lí theo định hướng năng lực*. Tài liệu BDGV, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, 2014.
14. RGEP. *Tài liệu và kết quả thực nghiệm chương trình môn Địa lí ở 6 tỉnh và thành phố*, tháng 5/2018.